

Truyện Thái Bá Tân

Vnthuquan.net, 2009.



Anh Dũng Cảm và anh Hèn

Ông Sêkhốp có một truyện độc đáo và thú vị, là Anh Béo và anh Gầy. Câu chuyện đang viết đây, vốn bị hoãn nhiều lần chỉ vì không tìm được cái tên vừa ý, tôi bắt chước ông, gọi là anh Dũng Cảm và anh Hèn.

Xin bắt đầu câu chuyện, trước hết về anh Dũng Cảm.

Ở huyện ngoại thành Hà Nội nọ có một người nổi tiếng dũng cảm, không phải chuyện chiến trường hoặc săn bắt cướp, dù cả hai việc này anh từng trải qua. Dũng cảm với nghĩa đấu tranh chống những điều chướng tai gai mắt, được gọi là hiện tượng tiêu cực, đang đầy rẫy khắp nơi, đến mức nhiều người cũng dũng cảm như anh đâm nản. Nhưng anh thì không, cương quyết không. Anh đã qua tuổi ba lăm, to con, khỏe mạnh, từng là lính đặc công nên giỏi võ. Tiếc là trong cuộc chiến này anh không được phát huy những sở trường đó. Hóa ra ở đời làm người tử tế và dũng cảm thật khó. Cái giá phải trả cho sự dũng cảm cũng không nhỏ. Từ chiến trường trở về với đủ loại huân huy chương, các bằng dũng sĩ, anh được hồ hởi chào đón và

bố trí một chân trong chính quyền địa phương, phù hợp với công trạng. Nhưng rồi dần dần, người ta đã khéo léo gạt anh ra ngoài, trừ dập anh một cách tinh tế, khiến anh dù biết mà không bắt bẻ vào đâu được. Cuối cùng, anh chỉ còn là một lực điền cày sâu cuốc bẫm như bao người khác, để nuôi cô vợ hay đau ốm và ba đứa con còn nhỏ. Tất cả chỉ vì anh không giống các cán bộ khác - quá thẳng thắn, quá thật thà, quá yêu công lý và quá dững cảm.

Làm ruộng là sở trường của anh, vì anh vốn từ đồng ruộng mà lớn lên rồi ra trận. Anh tháo vát, biết lo toan, lại chịu khó nên nói chung cuộc sống không đến nỗi. Anh chẳng có gì để phàn nàn. Cái làm anh khó chịu là những chuyện bất công xung quanh, "những việc đâu đâu" như vợ anh nói. Dù không phải lúc nào chúng cũng liên quan đến anh, nhưng hề thấy là anh cứ lao vào đấu tranh, theo kiểu "đâu có giặc là ta cứ đi" ngày trước. Mà anh đấu tranh mạnh mẽ, trực diện, không chút khoan nhượng, đôi lúc thiếu mất sự tế nhị cần thiết. Nhiều khi anh làm quá, không chỉ không mang lại hiệu quả mà còn bị coi là hăm dọa và không hiểu thời cuộc. Một kiểu Đông Kisốt mà người ta thấy vừa đáng yêu vừa tội nghiệp.

Một hôm, vợ anh lên cơn hen nặng, phải đi bệnh viện cấp cứu. Việc này năm nào cũng xảy ra, ít thì một, nhiều có khi ba bốn lần, nên anh có chút kinh nghiệm, ít ra cũng biết phải làm gì.

Giống mọi lần, người ta cho vợ anh hít thở qua một loại máy đặc biệt ba ống Ventolin Nebule, loại 5mg. Thuốc được một cô bác sĩ trẻ viết lên tờ giấy rồi chỉ cho anh sang phòng bên mua. Ngồi trong phòng cấp cứu, dẫu lo lắng và thương vợ, anh vẫn giữ được vẻ bình tĩnh. Anh biết chốc nữa vợ anh sẽ tỉnh lại, thở được, và nếu không có gì nghiêm trọng thì sau mấy tiếng họ có thể về nhà tự điều trị tiếp. Bệnh

hen là vậy.

Anh lặng lẽ đưa mắt nhìn quanh. Vẫn những cảnh quen thuộc. Phần lớn bệnh nhân là dân quê, với vẻ ngơ ngác sợ sệt thường trực trên mặt và sự khúm núm trong thái độ. Lo cho bệnh tình đã khổ, họ còn bị ám ảnh bởi một cái khổ khác còn ghê gớm hơn, là tờ phiếu thanh toán viện phí và thuốc men đang đợi. Tờ phiếu với những con số đáng sợ, nhất là khi quy ra thóc, thứ hàng duy nhất họ có mà lại đang ngày càng xuống giá.

Các nhân viên y tế thì vẫn cái vẻ bình tĩnh nghề nghiệp, bình tĩnh đến mức người nhà bệnh nhân cảm thấy sốt ruột và nghĩ hay vì mình chưa làm đủ những thủ tục bắt thành văn nào đó. Anh quá quen với cảnh này, luôn nhắc mình kiềm chế không đấu tranh vì lẽ phải cùng những thiên thần áo trắng ở bệnh viện. Họ có chuyên môn, cũng phải làm việc vất vả, và từng cứu sống nhiều người, trong đó có vợ anh. Đây là lĩnh vực tế nhị, anh thầm nghĩ, có tiêu cực chút ít cũng không nên cố chấp. Đạo làm người không cho phép lấy oán trả ân. Xưa nay anh chưa bao giờ to tiếng ở bệnh viện, và theo lệ chung, người ta làm gì anh làm nấy, cả những việc mà ở nơi khác, anh nhất định không bỏ qua. Tất nhiên anh cảm thấy chút ít bức rứt, khó chịu.

Ba tiếng sau, cũng tại phòng cấp cứu, anh được yêu cầu thanh toán để xuất viện. Anh bình tĩnh, lặng lẽ thực hiện yêu cầu chính đáng đó. Nhưng anh bỗng nhú mày nhìn tờ giấy thanh toán. Đắn đo một lúc, anh hỏi người thu tiền:

- Xin lỗi cho tôi hỏi. Loại thuốc Ventolin Nebule này ngoài quầy thuốc giá bốn mươi nghìn một vỉ năm ống, sao ở đây ghi hai mươi nghìn một ống? Tức là đắt hơn sáu mươi nghìn...

- Tôi không biết - Người kia khó chịu đáp - Tôi chỉ thu tiền.

- Vậy ai biết? - Anh hỏi lại, cố giữ giọng nhẹ nhàng.

- Tôi đã bảo không biết mà. Cứu được người rồi, không lo mà về, còn thắc mắc rách việc.

Anh lại đứng suy nghĩ, đắn đo hồi lâu, rồi đi tìm cô bác sĩ trẻ. Anh nhắc lại thắc mắc của mình một cách mềm mỏng và lịch sự.

- Anh này hay nhỉ - cô ta đáp, hình như cố tình to tiếng để làm anh phải xấu hổ - Anh biết thế sao không ra hiệu thuốc mua, để bây giờ khỏi mè nheo vì tiếc tiền. Đã tiếc tiền sao còn đưa vợ đến đây cấp cứu?

Anh thấy nóng mặt vì thái độ của cô, nhưng vẫn cố giữ bình tĩnh.

- Nhưng chính chị chỉ cho tôi sang phòng kia mua, chứ không bảo ra quầy thuốc chỉ cách đây vài chục bước. Tôi xin hỏi chị: giá này do bệnh viện quy định hay các chị tự đặt ra, thích bao nhiêu thì bán bấy nhiêu?

Thấy giọng anh cứng rắn, lập luận chắc chắn, khác hẳn những ông bà nông dân khác, cô bác sĩ thoáng chút bối rối, nhưng cố nói át:

- Thời buổi thị trường, mỗi nơi một giá. Giữa cái sống cái chết mà anh còn so đo vài chục nghìn! Tiếc đất thì lần sau tự chữa lấy ở nhà, đừng đến đây nữa.

- Vậy là các người thông đồng với nhau, lợi dụng điều mà các người gọi là giữa cái sống cái chết ấy để bắt chẹt, ăn chặn những bệnh nhân nghèo, là những người nhà quê như tôi - Anh nói to, rành rọt. Anh đã không còn giữ được bình tĩnh và quên hẳn sự kiềm chế vẫn luôn tự nhắc mình khi vào bệnh viện - Các người là một lũ ăn cắp!

- Anh nói sao? Anh dám bảo chúng tôi ăn cắp? - Cô kia lu loa.

- Đúng thế - anh hạ giọng, cúi sát mặt cô ta - Tôi xin nhắc lại rằng cô là một con ăn cắp, trắng trợn vô liêm sỉ. Cô ăn cắp ngày này sang

ngày khác. Nhưng hôm nay tôi bắt quả tang. Và theo luật, tôi phải đưa cô đến đồn công an để giải quyết như với những con ăn cắp khác. Bây giờ cô phải đi theo tôi - Anh túm chặt tay cô ta, định lôi đi.

- Ôi làng nước ơi, cứu tôi với! - Cô kia la lên- Thằng điên, thằng mất dạy này đang làm nhục tôi.

- Câm mồm! Nếu mày không phải đàn bà thì tao đánh vỡ mặt. Ăn cắp còn già mồm.

Thấy động, mọi người nhanh chóng kéo lại. Khi biết chuyện, nhiều bệnh nhân và người nhà tỏ ý đồng tình. Họ mừng ra mặt vì bỗng dưng có anh chàng lập dị nói hộ điều họ vẫn ám ức mà không dám nói.

- Xưa nay họ vẫn thế mà nào ai dám nói!

- Lương y như từ mẫu. Đẹp gói!

- Phải trị cho chúng một trận!

- Trả tiền lại cho người ta, không nuốt được đâu!

- Nhưng cái ông kia cũng quá đáng. Phải cho người ta sống với chứ. Làm vất vả, lương ít. Có mấy đồng bạc...

- Bà nói sai bỏ mẹ. Việc gì ra việc ấy. Lương ít thì đòi nhà nước tăng. Bà tính, một người chúng ăn chẹt mấy chục nghìn như thế, mỗi ngày cấp cứu bao nhiêu người, chia nhau mỗi đứa bao nhiêu?

- Đánh bỏ mẹ nó đi!

Một thanh niên mặc áo trắng hùng hổ đi lại, xô mạnh vào ngực anh Dũng Cảm, định gỡ cô bác sĩ vẫn bị anh túm chặt cổ tay.

- Bỏ ra. Bỏ ra ngay! Anh định gây rối à?

- Câm mồm! Nó thì tao không đánh, chứ mày thì tao đánh đấy - Anh quắc mắt, bóp mạnh vào vai hắn bằng bàn tay còn lại, khiến hắn đứng đờ ra bất động, chẳng nói được lời nào nữa - Bây giờ thì mày

phải theo tao ra đồn công an, con ăn cắp!

Anh kéo cô bác sĩ, lúc này đang khóc vì đã bắt đầu hiểu rõ mức độ nghiêm trọng của vấn đề.

- Chúng tôi là công an đây. Anh cần gì? Có chuyện gì vậy? - Hai anh công an vừa vội vã bước lại, vừa nói.

- Thế thì hay quá. Các anh đến thật đúng lúc - Anh Dũng Cảm sung sướng nói. Rồi anh vẫn tắt kể lại những gì đã xảy ra - Bây giờ nhờ các anh đưa hộ con ăn cắp này về đồn xử lý theo đúng luật pháp nhà nước. Các anh có mang còng theo không. Cần nhiều đấy, không phải một đâu.

Hai anh kia tỏ vẻ lúng túng. Họ không thể không nhận thấy anh Dũng Cảm nói có lý. Xung quanh nhao nhao tiếng đồng tình của nhiều người.

- Chúng tôi chỉ là công an bảo vệ bệnh viện - một người nói - Vả lại, theo tôi, gọi đây là hành vi tiêu cực thì đúng hơn, chứ anh bảo là ăn cắp kẻ cũng hơi quá...

- Ăn cắp, theo tôi, là lợi dụng lúc người khác không để ý hoặc cả tin, không hiểu biết để lấy tiền. Vậy đây là hành vi ăn cắp chứ không phải tiêu cực.

- Đành thế, nhưng dẫu sao... Biết nói với anh thế nào nhỉ?

- Các anh là người đại diện và bảo vệ pháp luật. Các anh biết phải xử lý thế nào - Anh Dũng Cảm hạ giọng - Tôi đã bắt quả tang. Giấy thanh toán đây, thuốc đây, giá đây. Bây giờ các anh định giải quyết thế nào?

Một chốc sau, cả bọn, gồm anh Dũng Cảm, hai nhân viên công an và cô bác sĩ, cùng lên phòng giám đốc bệnh viện.

Ông giám đốc là một người nghiêm khắc, một giáo sư nổi tiếng và

đáng kính. Ông chăm chú nghe anh Dũng Cảm, chốc chốc lại gật đầu tỏ vẻ đồng ý. Nghe xong, ông ngồi im lúc lâu, mặt ửng đỏ, một bên má giật giật. Cuối cùng ông nói, thông thả và dứt khoát trong khi cô bác sĩ - ăn cắp cúi nhìn xuống đất, và vẫn còn khóc.

- Thứ nhất, thay mặt toàn bệnh viện, tôi thành thật xin lỗi anh và những người như anh. Với tư cách là thủ trưởng cơ quan, tôi cũng có lỗi, vì vậy tôi xin lỗi anh. Thứ hai, tôi đồng ý khi anh gọi việc làm đáng xấu hổ này là hành vi ăn cắp, một cách có hệ thống, hằng ngày. Tôi thực sự đau lòng và xấu hổ vì việc làm này của các nhân viên tôi. Rồi ông cho người gọi trưởng khoa cấp cứu đến, bắt lập tức mang tiền chênh lệch trả lại.

- Tôi hứa sẽ kỷ luật nghiêm khắc những người có lỗi, và sẽ không để lặp lại hiện tượng này.

- Cảm ơn giáo sư - anh Dũng Cảm nói - Xin giáo sư cho biết bệnh viện sẽ kỷ luật như thế nào?

- Chúng tôi sẽ đem vụ này ra hội đồng kỷ luật của bệnh viện và xử lý theo quy định của bộ.

- Nhưng đây là hành vi ăn cắp như chính giáo sư đã thừa nhận. Mà tội ăn cắp, thì phải truy cứu hình sự, tức là phải xử ở tòa án chứ không giải quyết nội bộ qua hội đồng kỷ luật.

Đến lượt ông giáo sư lúng túng:

- Vâng, có lẽ anh nói đúng. Quả thật đây là lần đầu tôi gặp người nhìn nhận sự việc theo hướng này. Mà tôi lại không am hiểu lắm về luật pháp. Tôi sẽ nêu ý kiến của anh trước hội đồng kỷ luật và các cơ quan chức năng. Anh biết đấy, ở đâu cũng có người tốt, người xấu. Tôi rất mong và hy vọng không vì việc này mà anh mất niềm tin vào bệnh viện chúng tôi. Xin anh cho biết địa chỉ. Tôi sẽ đích thân thông

báo kết quả xử lý vụ này cho anh.

Rồi anh Dũng Cảm, nhân vật của chúng ta, đưa vợ về nhà. Đọc đường đi, không hiểu sao anh bỗng thấy thật buồn. Anh đạt được cái anh muốn, vợ anh đã qua cơn nguy hiểm, ấy vậy mà anh vẫn cảm thấy buồn, như có cái gì đấy hẫng hụt trong lòng. Anh không hiểu và không thể xác định rõ đó là cái gì. Anh căm ghét tất cả bọn ăn cắp, nhất là bọn ăn cắp mặc áo blu trắng. Nhưng chính cái bọn ăn cắp thứ hai ấy lại vừa cứu vợ anh thoát chết. Anh có làm quá không, có thực sự anh đã lấy oán trả ân không? Nếu con bé ăn cắp kia bị đuổi việc, bị tù tội thật thì sao? Chuyện gì sẽ xảy ra với nó và gia đình nó? Càng nghĩ, anh càng thấy rối. Suốt đêm anh cứ quẩn quanh mãi với những suy nghĩ chẳng vui vẻ này. Cuối cùng, anh quyết định khi nhận được tin báo của giáo sư giám đốc bệnh viện, anh sẽ tự mình xin tha cho cô kia, nếu mức độ trừng phạt quá nặng.

Đây, chuyện anh Dũng Cảm là như thế. Bây giờ chắc các bạn sẽ hỏi: Còn chuyện anh Hèn thì sao?

Anh Hèn là tôi. Tôi phải xin lỗi bạn đọc rằng chẳng hề có anh Dũng Cảm nào cả. Cũng như không hề có chuyện anh ta sống ở ngoại thành, đưa vợ cấp cứu cùng những việc làm đáng khen của anh. Tất cả đều do tôi hư cấu, hay phịa ra như người ta vẫn nói. Tôi là nhà văn mà. Phịa, nhưng trên cơ sở những chuyện có thật.

Sự thật đó là: cách đây không lâu tôi phải đưa vợ tôi vào bệnh viện cấp cứu. Cũng bệnh hen, cũng bị nhân viên phòng cấp cứu thông đồng nhau bắt mua mỗi ống Ventolin Nebule với giá hai mươi nghìn, trong khi chính quầy thuốc bệnh viện ấy bán vỉ năm ống giá bốn mươi nghìn. Tôi cũng ngạc nhiên và bất bình không kém. Thậm chí

tôi suýt làm ầm lên, tất nhiên không ở mức như anh Dũng Cảm. Nhưng tôi đã nhẫn nhục im lặng chẳng nói gì. Thứ nhất vì vợ tôi ngăn không cho làm. Bà ấy đang ốm nặng, lại dễ xúc động, làm sao tôi có thể hy sinh mạng sống vợ vì cái công lý trừu tượng nào đó? Sau nữa, mà đây mới là lý do quan trọng nhất: tôi hèn.

Trong ý nghĩ, tôi hình dung, tôi muốn tôi phải là anh Dũng Cảm kia, phải làm đúng những việc anh đã làm. Nhưng trong thực tế tôi lại không có được sự dũng cảm ấy. Tôi sợ làm vợ buồn, sợ mất thời gian, sợ căng thẳng thần kinh, sợ người khác cười chê vì tiếc mấy nghìn bạc mà làm ầm ĩ, sợ mình có nói cũng chẳng giải quyết được gì. Chính cô nhân viên quầy thuốc bệnh viện bảo tôi rằng việc ấy vẫn xảy ra thường xuyên, trước đây cũng như bây giờ và có lẽ cả sau này nữa. Đâu cũng thế. Tóm lại là tôi hèn, và có cơ xác đáng để hèn. Chẳng ai đem cái hèn của mình ra khoe. Tôi cũng vậy. Nhưng sự thật thế nào thì phải công nhận đúng thế ấy. Thế mà trước đây, các bạn biết không, tôi cũng thuộc loại người hể thấy bất công ở đâu là xông vào cơ đấy. Và tất nhiên, cũng lãnh đủ, nhưng tôi chưa một lần hối tiếc về việc mình làm. Chẳng qua mỗi tuổi một cách suy nghĩ, hành động, hay sông có khúc, người có lúc như các cụ nói.

Bây giờ tôi đã già, an phận với vị trí yếm thế của người về hưu. Tôi viết văn, suốt ngày gõ gõ bên chiếc máy vi tính. Trọng lượng cơ thể cứ như kéo tôi dính chặt vào ghế, không cho bay lên cao như ngày nào. Các hoài bão, ham muốn, cả thể xác lẫn tinh thần, cứ teo dần, teo dần, và cùng với nó là cái quyết tâm đấu tranh vì công lý và lẽ phải. Nghĩa là trong chừng mực nào đó, tôi đã là kẻ thoái hóa. Tuy nhiên, tôi vẫn luôn cố cưỡng lại không đầu hàng, chừng nào còn có thể. Truyện ngắn này tôi viết cũng nhằm mục đích ấy. Tôi hy vọng nó

đến được tay những người cần đến. Biết đâu họ sẽ làm cái gì đó để ngăn chặn hiện tượng tiêu cực trên. Đã biết phạm mình hèn thì chỉ dám đặt mục tiêu khiêm tốn thế thôi.

Vì không muốn biến truyện ngắn của mình thành bài phóng sự, tôi xin phép không nêu đích danh tên người, tên bệnh viện cùng ngày giờ xảy ra những việc có thật. Tuy nhiên, dẫu hèn, tôi vẫn không có ý định giấu tên mình. Như các bạn thấy, tôi vẫn còn đủ dũng cảm để viết ra câu chuyện này.

Thái Bá Tân

Cuộc trở về của đứa con làm lỗi

1

Hàng năm, cứ vào ngày mồng bảy tháng Giêng âm lịch là cả làng D.T nhộn nhịp hẳn lên. Cái nhộn nhịp ấy còn lan sang những làng lân cận. Vào ngày ấy, từ sáng sớm, người ta í ới gọi nhau đi chợ, đến trưa thì nhà nào trên bàn thờ tổ tiên cũng có một mâm cỗ với những que hương trầm nghi ngút khói. Trong khi lũ trẻ hoặc đám thanh niên mới lớn vô tư cười nói bên cạnh, những người già đứng chấp tay trước bàn thờ, cúi đầu lầm rầm cầu khẩn điều gì chỉ mình họ biết. Cuối cùng mâm cỗ được hạ xuống, một lần nữa, khi cánh trẻ ăn uống vui vẻ, những người già - thường ngồi riêng với nhau ở mâm trên, - vừa nhấm nháp uống rượu, vừa khe khẽ nhắc lại những gì đã

xảy ra vào cái ngày khủng khiếp ấy...

Đó là ngày mồng bảy tháng Giêng âm lịch năm 1954, nghĩa là lâu, lâu lắm rồi, đến mức bây giờ nhớ lại, người ta không khỏi không mâu thuẫn với nhau về chi tiết, thậm chí cả những chi tiết quan trọng. Mỗi người kể một cách, tất nhiên, ai cũng cho mình đúng. Đại khái sự việc xảy ra thế này.

Vào độ năm giờ sáng cái ngày khủng khiếp ấy, một chiếc máy bay khu trục Pháp bất ngờ từ phía biển bay vào, ném một loạt năm quả bom xuống D.T. lúc ấy hẵng còn là một làng nhỏ nhà cửa đứng sát sít bên nhau. Chiếc máy bay ấy còn lượn thêm hai vòng nữa, sau mỗi vòng lượn nó lại chúc xuống ném những loạt bom dài và chính xác như trước. Rồi vút lên, nó bay mất hút về phía biển.

Sau đấy là một nỗi kinh hoàng thật sự. Làng D.T nằm dài thành một vệt, bị ba lần ném bom trúng ngay vào ba phần đầu, giữa và cuối, thành ra cả làng, hầu như không còn ngôi nhà nào nguyên vẹn. Số người chết lại càng khủng khiếp hơn, vì lúc ấy còn sớm, hoặc người ta ngủ chưa dậy, hoặc dậy rồi nhưng chưa đi đâu khỏi làng. Có người bảo chết hai trăm, có người bảo ba, cũng có người nói nhiều hơn. Còn việc vì sao làng D.T. bị ném bom chứ không phải làng nào khác, mà lại một cách dã man, mang tính hủy diệt như thế, trong khi suốt một thời gian dài trước đấy cả huyện Diên Châu rộng lớn chưa bị ném bom lần nào, thì không ai hiểu nổi, mặc dù người ta đã đưa ra nhiều giả thiết khác nhau.

Từ đấy hàng năm đúng ngày mồng bảy tháng Giêng âm lịch là cả làng D.T nhà nào cũng có giỗ. Kèm theo giỗ là những câu chuyện rôm rả, những hồi tưởng đau buồn, những tiếng khóc...

Năm nay về D.T dự "giỗ làng" có thêm một người. Người ấy lập tức thu hút sự chú ý của dân làng. Đó là một ông già khoảng 65 tuổi, tóc bạc trắng, da dẻ trông hồng hào nhưng hình như không được khỏe lắm, vì ông phải dùng gậy để đi lại. Ông về làng trước ngày có giỗ hai hôm, tức là vào ngày mùng năm tháng Giêng. Không ai nhận ra ông, có lẽ ông cũng chẳng nhận ra ai quen trong làng, ít ra vào những phút đầu. Ông nói tên những người ông muốn gặp, người ta lắc đầu không biết. Ông phải tìm hỏi người cùng tuổi, tự giới thiệu mình là ai, từ đâu tới, vân vân, lúc ấy người ta mới đồng thanh "ồ", "à" cả lên. Thì ra ông già là dân làng này, có điều ông đã xa nó hơn bốn mươi năm, và nay, sau bốn mươi năm dài ấy, ông mới trở lại thăm làng lần đầu. Không phải không muốn, ông nói, mà vì ông ở xa, rất xa, tận bên nước Thụy Sĩ hay gì gì ấy ở châu Âu. Còn những người ông hỏi gặp thì thuộc gia đình một địa chủ lớn ngày xưa ở vùng này. Có điều bây giờ cái gia đình ấy chẳng còn ai, trừ bà Sen, một bà già đơn độc sống cuối làng.

- Chết hết rồi, - người ta thở dài bảo ông. - Chết vào cái ngày khủng khiếp ấy. Máy bay ném bom... ông biết chứ? - Rồi như để an ủi, người ta ái ngại nhìn ông, nói thêm: - Không riêng gì gia đình nhà bác, mà cả làng, nhiều lắm...

- Có, tôi có nghe nói, - ông già lặng lẽ lấy khăn mù-xoa lau lau đôi mắt hoe đỏ vì xúc động. - Cũng vì thế mà tôi về đây xem thực hư thế nào. Kinh khủng quá! Trời! Kinh khủng quá...

Ông già lại lấy khăn chấm chấm vào mặt. Giọng ông run run. Đôi tay khô và nhăn nheo của ông cũng run run. Một chốc sau lũ trẻ dẫn ông chống gậy chậm chạp đi về phía nhà bà Sen.

Đêm hôm ấy, dĩ nhiên ông và bà Sen thức, trò chuyện với nhau rất

lâu.

- Trời, bác ánh, không lẽ bác còn sống đấy à? - Bà Sen kêu lên khi nhận ra khách là ai. Bà và ông là con chú con bác với nhau, tuy ít hơn ông mấy tuổi, bà có vẻ già yếu hơn. - Chừng ấy năm bác ở đâu? Sống thế nào?

Không chờ khách trả lời, bà vội bỏ đi lấy ghế, múc nước. Còn ông già thì cố tỏ ra bình tĩnh. Ông thông thả đưa cả hai tay bê bát nước chè với nguội lên tận miệng, rồi cũng thông thả như thế, ông uống từng ngụm nhỏ cho đến hết bát nước, trong khi bà Sen ngồi đối diện, vừa tò mò quan sát, vừa kiên nhẫn chờ nghe ông nói.

- Bà biết rồi đấy. Năm bốn mươi, tôi ra Hà Nội học. Rồi sang Pháp. Rồi lại về nước, làm cái thằng lính. Đến năm năm tư thì tôi theo người Pháp rời Việt Nam, sang sống với bố mẹ ở nước ngoài. Ờ, mà hai cụ chết đã lâu, hai mươi năm rồi. Còn tôi vẫn sống một mình, không vợ con, những tưởng chẳng bao giờ được thăm lại quê cũ, thế mà tôi vẫn lần được về. Tôi muốn biết...

- Vâng, - đoán hiểu ý ông, bà Sen vội tiếp lời, - ngày kia là giỗ làng rồi. Cả làng, cậu ạ, - những hai ba trăm người chết chứ đâu ít...

- Nhiều thế cơ à? - Ông Ánh khẽ hỏi.

- Vâng, thật khủng khiếp! Tờ mờ sáng, bác ạ. Một chiếc máy bay... ôi! - Bà Sen thở dài, rồi ngồi im, rơm rớm nước mắt.

- Hai cụ nhà cô cũng chết lần ấy?

- Vâng, cả chồng và con trai tôi nữa. Một quả bom rơi trúng nhà. May tôi lúc ấy ra vườn hái rau chuẩn bị làm cơm sáng nên mới thoát.

- Còn gia đình bác Vị ? (Bác Vị là anh trai cả của bố mẹ ông ánh, bà Sen).

- Cũng thế. Có điều bác gái bị thương, phải nửa năm sau mới chết

được.

- Còn chú Xuân?

- Chú Xuân lúc ấy không ở nhà. Chú ấy trốn đi bộ đội từ hai năm trước, sau này hy sinh ở Điện Biên. Bác thấy đấy, làng xóm nhà nào cũng bị, không người này thì người nọ. Ngày kia giỗ, rồi bác xem. Ông Ánh không hỏi gì thêm. Ông cúi đầu ngồi im, hai tay ôm mái tóc bạc. Ngoài sân, trời đã tối từ lâu. Trong ánh sáng đỏ nhờ của chiếc đèn dầu ma-dút, bà thấy ở khóe mắt ông có hai giọt nước lấp lánh đang mỗi lúc một to dần. Bà cũng ngồi im thẫn thờ, cho đến lúc bất chợt vụt đứng dậy vì sức nhớ phải làm cơm cho khách.

Đêm ấy hai người còn ngồi nói với nhau nhiều chuyện, nhưng như đã hẹn trước, ai cũng cố không nhắc tới đề tài lúc này.

Rồi cáo mệt, ông ánh lên giường. Từ buồng trong, bà Sen nghe rõ tiếng ông nằm trăn trở mãi, cho đến khi bà thiếp đi lúc nào không biết.

Hôm sau, tức là ngày mùng sáu, ánh nhờ bà Sen dẫn ra thăm mộ những người bị bom chết trong cái ngày xa xưa ấy. Đến nơi, ông bảo bà đi về để ông ở lại một mình. Tuy không hiểu ý ông muốn làm gì, bà Sen chẳng hỏi, lặng lẽ ra về.

Nghĩa địa Gia Quán nằm trên mé đồi thoải thoải bao quanh bởi những bụi gai còi cọc thấp tè. Mộ được xếp thành từng hàng dài, mỗi họ một khu, chiếc này dính liền chiếc kia như một luống khoai lớn, phía trên nổi lên những mô đất nhỏ để đánh dấu từng chiếc. Phần bị mưa xói, phần do trâu bò xéo, nhiều chiếc sụt lở, méo mó. Đất cằn, cỏ không mọc nổi, không bóng cây, không lăng bia, mộ chí. Nói chung quang cảnh khá tiêu điều và ảm đạm.

Ông ánh thận trọng chống gậy đi đến trước hàng mộ người thân của

ông bà Sen vừa chỉ. Tay cầm hộp diêm, run run, ông bật lửa châm mấy bó hương mang theo, cắm xuống đất năm que. Số còn lại ông chia đều cho tất cả những hàng mộ bên cạnh. Sau đó, ông chọn một hòn đá phẳng, ngồi xuống, hồi lâu thờ thần nhìn một điểm nào đấy trước mặt...

Tối đến, ông chống gậy đi hết nhà này sang nhà khác. Đến đâu ông cũng gọi để chủ nhà nói về cái sự kiện khủng khiếp kia đã xảy ra cách đây mấy mươi năm. Còn ông, ông chỉ im lặng ngồi nghe, thỉnh thoảng mới thêm đôi lời cốt giữ cho câu chuyện khỏi bị ngắt quãng. Ai cũng ái ngại cho ông già sau chừng ấy năm xa cách nay trở lại quê hương, phải nghe những chuyện buồn như vậy.

3

Rạng sáng ngày mùng bảy, khi mặt trời chưa lên và sương mù còn dày đặc, có một bà gánh rau cải xuống chợ bán sớm. Đến cây đa cắt cuối làng, vì mãi nhìn xuống đường để tránh những vũng nước đọng lại sau cơn mưa, bà bỗng thấy đầu mình va phải cái gì đấy khô cứng. Bà ngược nhìn lên, kêu to một tiếng vì ngạc nhiên và sợ hãi, rồi vứt gánh, ù té chạy trở lại. Chưa đầy mười lăm phút sau, có lẽ phải một phần ba dân làng D.T. đã có mặt. Mọi người đứng quanh cây đa cắt, sững sờ nhìn cảnh tượng trước mặt.

Trên cành cây choãi ra phía mặt đường, có một người treo cổ chết, xác lủng lẳng, mồm há hốc, đầu ngoẹo sang một bên, mớ tóc bạc lòa xòa dính bết vào trán - có thể vì mồ hôi, cũng có thể vì sương ướt. Người đó là ông ánh. Chiếc gậy của ông để tựa gốc cây. Trên gậy là chiếc mũ dạ với một tờ giấy được gấp tư cẩn thận, to bằng lòng bàn tay. Theo yêu cầu của mọi người, một thanh niên rón rén lại gần gốc đa, cầm tờ giấy lên, đọc to:

"Thưa bà con dân làng,
Chính tôi là người lái máy bay ném bom làng ta ba mươi năm về trước. Tôi đã xin cấp trên được làm điều đó, vì nghe tin gia đình tôi bị Cộng Sản cướp hết ruộng đất và nhà cửa, chia cho dân nghèo. Lúc ấy tôi còn trẻ và nông nổi. Tôi thêm khát trả thù, lại sẵn bom đạn trong tay, thế là tôi đã gây nên tội ác khủng khiếp kia, cái mà từ ngày ấy cho đến nay không để lương tâm tôi thanh thản một phút nào. Tôi đã phạm một sai lầm không cứu vãn nổi, là tách rời khái niệm "Cộng Sản" khỏi khái niệm quê hương làng nước...

Bây giờ đã bốn giờ hai mươi phút, nghĩa là tôi còn phải chờ thêm mười phút nữa để tự kết liễu đời mình. Thực ra, tôi xem tôi đã chết vào đúng cái giờ phút ấy cách đây ba mươi năm, khi tôi bấm nút ném quả bom đầu tiên xuống khu làng đã sinh và nuôi tôi lớn.

Tôi chẳng dám xin được bà con tha thứ cho tôi, một đứa con tội lỗi sau bao nhiêu năm lưu lạc, nay trở về quê cũ để tự đền tội. Trong túi tôi hiện còn ít tiền, nếu được, nhờ bà con cho thuê người chôn tôi ở nghĩa địa Gia Quán, cạnh những người tôi đã giết.

Nguyễn Văn Ánh"

Diễn Châu - Hà Nội, 1984

Thái Bá Tân

Đưa bé ăn mày

Nó là thằng bé ăn mày tội nghiệp. Hơn thế, lại mù. Chiếc quần bẩn khó xác định màu rách bươm cả hai ống cho thấy không chỉ người mà lũ chó cũng chẳng thích nó. Hai ống tay áo đen bóng vì luôn được dùng làm khăn lau mũi. Đầu nó đội chiếc mũ cói méo mó hơi hất về phía sau, để lộ khuôn mặt đói ăn gầy đét, xạm nắng, và nhất là hai hố mắt trắng dã càng làm tăng thêm vẻ thảm hại đáng sợ. Có thể nó chủ ý phô ra thế để người ta thương hại mà cho chút gì chẳng? Vì mù, nó phải chống gậy, chiếc gậy trúc già bằng ngón tay cái, trơn nhẵn và cũng gầy đanh như nó. Sau khi thận trọng gõ hai lần xuống đất, nó mới đi một bước. Nó lặng lẽ đi giữa trời nắng chang chang, chiếc bị, cũng bằng cói, đeo sát nách, và hình như còn lép kẹp hơn bụng nó.

Không ai biết nó từ đâu tới. Thứ nhất vì đây là lần đầu tiên nó xuất hiện ở làng Thượng. Thứ hai, đơn giản vì những loại như nó không đáng được người ta quan tâm. Mà rồi lúc ấy đang giữa trưa nắng gắt chẳng có ai gần đấy ngoài một thằng bé khác trạc tuổi nó, cũng nhếch nhác, nhưng vì không ăn mày nên to khỏe hơn và cũng lành lặn hơn. Thằng này đang chống dít cổ búng viên bi thủy tinh vào một

lỗ nhỏ trước mặt dưới bóng cây đa cụt đầu làng. Nó đang cúi vì búng mãi không vào đúng lỗ. Đã thế, viên bi bị búng mạnh quá lăn đi đâu mất. Nó thất vọng định đứng dậy bỏ về nhà ăn trưa thì bất chợt nhìn thấy thằng ăn mày khốn khổ. Nó thấy có cái gì đấy vừa buồn cười vừa khó chịu ở vẻ ngoài và cách dò đường hai cộc một bước của thằng kia. Đôi mắt trắng dã làm nó, vốn bực mình vì mất viên bi, càng thêm khó chịu. Cứ như viên bi của nó đã bay vào nằm gọn trong hố mắt thằng kia. Một ý nghĩ chợt lóe lên. Nhẹ và rón rén như con mèo săn chuột, nó bước lại gần thằng ăn mày, bất chợt giật lấy chiếc gậy trúc rồi chạy nhanh về phía gốc đa.

Thằng bé ăn mày kêu ới ới, hai cánh tay khăng khiu bắt lực hươ hươ phía trước. Ai trả lại chiếc gậy cho tôi đi! Trả lại đi, đừng đùa thế! Trả lại đi!... Giọng nó yếu lắm, chắc vì đói. Chờ mãi không thấy ai trả lại gậy, nó đành dò dẫm đi tiếp, điệu bộ trông thật buồn cười, cứ như nó đang lấy thăng bằng đi trên dây thép trong rạp xiếc. Bây giờ thay cho gỗ gậy, nó thận trọng uớm thử chân hai lần trước mỗi bước đi. Bằng cách ấy nó có thể không vấp ngã, nhưng khốn nỗi điều quan trọng đối với nó là hướng đi chứ không phải đi như thế nào. Mà hướng nó đang đi tới hiện giờ là chiếc giếng khơi sâu rộng đầy nước của làng Thượng.

Ngồi dưới gốc đa, thằng chơi bi thích thú quan sát điều này.

Ở các làng khác, giếng nước ăn luôn có bờ gạch bao quanh, là điều dễ hiểu, thế mà bao đời nay giếng làng Thượng không hề có cái bờ gạch bao quanh ấy, lại sát đường đi, nên nhiều lần trẻ con và cả trâu bò rơi xuống đó, nhưng luôn vào lúc đông người nên được vớt lên kịp. Khốn khổ thằng bé ăn mày. Nó cũng bị sẩy chân ngã xuống giếng và đã chết, vì bờ giếng lát gạch trơn chẳng có gì để bấu vịn, vì

nó quá yếu do đói ăn, vì xung quanh không có ai để vớt nó lên. Còn thằng bé chơi bi lếu láo kia thì thấy vậy liền hoảng sợ bỏ chạy về nhà...

Chuyện này xảy ra đã mấy chục năm nay, nhưng dân làng Thượng vẫn nhớ. Mà không chỉ có nhớ.

Phải ba ngày sau xác thằng bé mới nổi lên. Người ta chôn nó ở nghĩa địa Đồng Chùa như chôn nhiều người vô gia cư chết đói trước đây. Khác chẳng, mộ của nó nhỏ hơn một chút, vì nó là con nít. Có điều đáng ngạc nhiên là không hiểu sao cái mộ bé nhỏ ấy của nó cứ mỗi ngày một lớn thêm, đến mức lấn át cả mộ cụ tổ họ Phạm thế lực nhất trong làng. Thường người ta vui với những trường hợp như thế. Phát mả đồng nghĩa với phát tài, phát lộc, nhưng đây lại là mả một thằng bé ăn mày, vậy thì phát gì? Phát nghề ăn mày à? Các vị chức sắc trong làng không giấu nổi vẻ lo lắng mơ hồ về một tai họa nào đó đang treo lơ lửng trên đầu. Cuối cùng cái tai họa ấy đã đến.

Sau nhiều năm liền mất mùa vì thiên tai, nhiều người làng Thượng xách bị đi ăn xin xứ người. Lúc đầu người ta không chú ý mấy đến hiện tượng này, vì xưa nay ăn mày chẳng hiếm. Nhưng khi số lượng gia tăng một cách đáng lo ngại, người ta bắt đầu nghĩ đến cái mả ăn mày phát kia. Sao các làng lân cận đói ăn chẳng kém mà chẳng mấy người làm cái nghề nhục nhã ấy? Vậy chắc đây là đòn báo oán của thằng bé nọ. Để giảm bớt tai họa, người ta xây mộ xi măng cho nó, bây giờ đã được gọi là Ông . Mấy năm sau xây miếu hẳn hoi, có bàn thờ và được hương khói cẩn thận đúng dịp, đúng quy cách. Dần dần, khi người ta thấy nghề ăn xin cũng không đến nỗi nào cả về thu nhập lẫn quan niệm xã hội (người làng Thượng bỏ nhà đi ăn xin có giấy chứng nhận làng hoàng của xã, kèm theo chiếc dấu tròn đỏ chói).

Tự lúc nào không biết, thằng bé ăn mày tội nghiệp nghiêm nhiên trở thành thành hoàng của làng Thượng, thay chỗ một vị tướng lừng danh thời Lê Mạc. Dần dần trong dân gian, tên làng cũng được gọi khác - Làng Ăn Mày!

*

Chính tôi là thằng bé chơi bi láo lếu ấy đấy, ông ạ , ông M. thờ dài nói.

Ông là hàng xóm của tôi. Hàng xóm với nghĩa nhà cạnh nhau chứ giữa nghề viết lách của tôi và nghề buôn sắt vụn phát đạt của ông chẳng có gì liên quan. Ông quý tôi vì tôi nhiều chữ. Tôi chơi với ông vì ông nhiều tiền mà không hợm mình, và cả vì ông đồng ý để chúng tôi luân phiên nhau trả tiền bia ở quán Gió Mới bên cầu Long Biên. Xưa nay ông nổi tiếng hảo tâm, một nhà từ thiện đích thực. Có lẽ ông đã cúng tới hàng chục, nếu không muốn nói hàng trăm triệu đồng cho mục đích cao cả ấy, mà đối tượng bao giờ cũng là những đứa trẻ mù. Trường Nguyễn Đình Chiểu coi ông như ân nhân. Một số trường khiếm thị ở các địa phương khác cũng vậy.

Tất nhiên lúc ấy tôi chẳng dám cho ai biết tôi đã làm thằng bé ăn mày phải chết, - ông nói tiếp sau khi uống một hơi hết sạch vại bia. - Tôi hối hận và sợ lắm. May mà tháng sau bố tôi, một cán bộ cỡ ở Tổng cục Thống kê, đưa cả nhà lên sống hẳn ở Hà Nội. Từ bấy đến nay tôi chẳng một lần dám trở lại làng Thượng. Vì sao thì ông biết. Tuy vậy, tôi biết hết mọi chuyện xảy ra ở làng. Tôi hỏi thật nhé: Ông có mê tín không?

Không , tôi đáp.

Ông có tin vào báo ân, báo oán không?

Tôi không tin. Sao ông hỏi vậy? Ông tin à?

Ông M. trầm ngâm một chốc rồi nói, về bản thân:

Cả có mà cả không. Nhưng tôi cứ thấy nó thế nào ấy, nhất là thời gian gần đây. Có lẽ tôi già rồi đâm lẫn thẩn. Nói ông đừng cười, đêm nào nằm ngủ tôi cũng nghe tiếng gõ chiếc gậy trúc của thằng bé kia và tiếng kêu yếu ớt. Ai đó trả lại gậy cho tôi, đừng đùa. Tình hình có vẻ như ngày càng tồi tệ. Tôi chẳng biết phải tính sao đây. Ông khuyên tôi làm gì bây giờ?

Tôi ngồi im vì chẳng biết trả lời thế nào.

Hay ông đi khám bác sĩ thần kinh, - cuối cùng tôi lên tiếng. - Thời này khối người căng thẳng như ông. Tôi cũng chẳng hơn gì. Còn chuyện thằng bé thì chỉ do ông hay nghĩ đến nó mà tưởng tượng ra thôi, tôi an ủi, mặc dù tự biết ở đây có cái gì đó nghiêm trọng và đáng sợ hơn nhiều.

Mấy hôm sau, trước lời năn nỉ của ông M., và cũng vì tò mò, tôi nhận lời cùng đi với ông về làng Thượng, Làng Ăn Mày.

Ông M. thấp hươ, lăm rằm khấn vái hồi lâu trước bàn thờ thành hoàng làng mình. Trước đấy tôi cũng thắp một nén, gọi là tưởng nhớ vong linh thằng bé xấu số. Tôi té nhị bỏ ra ngoài để ông được tự nhiên sám hối, hi vọng sẽ thanh thản hơn đôi chút. Bằng đức tính nhân từ vốn có và những việc làm từ thiện xưa nay, ông xứng đáng được hưởng một tuổi già thanh thản.

Tối hôm ấy chúng tôi ngủ lại nhà một người bà con xa của ông M.. Nhà ngói hắt hoi, có tivi, có đài, anh con trai chủ nhà còn có cả xe máy, xe Nhật chứ chẳng phải Tàu. Từ lâu dân làng Thượng không còn xách bị đi ăn xin, nhưng người ta vẫn thành kính thờ cúng ông tổ ăn mày của làng. Ngôi mộ của ông đã phát càng phát thêm, nay gần giống một cái gò nhỏ, trẻ con không dám cho trâu bò dẫm lên.

Nửa đêm, tôi đang ngủ say sau một ngày đi đường vất vả thì bị ông M. túm tay áo giật mạnh. Ông hoảng hốt thì thào:

Ông nhìn kìa. Ngài đấy!

Ngài nào? tôi ngạc nhiên hỏi vì chẳng thấy gì.

Thần hoàng làng Thượng! Đứa bé ăn mày...

Ông M. không nói hết câu, liền sụp xuống đất, vái lạy liên hồi:

Con xin ngài tha tội. Dạ, con xin ngài tha tội. Con trót dại... Con chỉ đùa... Lúc ấy con còn nhỏ... Con xin ngài tha tội! Con xin ngài...

Ông làm sao thế? - tôi định đỡ ông dậy nhưng ông không chịu. - Tôi có thấy gì đâu! Ông vái lạy ai đấy?

Quả tôi không thấy gì thật. Nhưng ông M. vẫn tiếp tục cầu khẩn van xin. Dầu chẳng tin ma quỷ và không thuộc loại nhát gan, tôi vẫn thấy ớn lạnh khắp người.

Lát sau, ông M. im lặng ngồi rũ xuống sàn nhà, thở hổn hển:

Ngài đi rồi. Đi mà chẳng nói gì cả. Nghĩa là ngài không tha thứ cho tôi. Trời ơi, tôi phải làm gì bây giờ?...

Lúc này tôi mới lẹ mọ lại gần chiếc công tắc điện để bật đèn. Ông M. mặt cắt không còn hột máu. Ông ngồi yên trong tư thế ấy rất lâu, cuối cùng, như để xác minh về sự hiện diện có thật của ngài, ông quay sang tôi, chìa ra một viên bi thủy tinh bóng loáng dưới ánh đèn.

Ngài để lại đấy!

*

Sau đó có việc, tôi đi công tác xa ba tháng. Lúc về thì được tin ông M. đã chết. Người ta kể rằng ông hóa điên, đi đâu cũng ngửa tay xin ăn như thằng ăn mày. Bị con cháu nhốt trong nhà và cả ở bệnh viện tâm thần, gặp ai ông cũng xin. Có người cho hòn đá, ông rồi rít cảm ơn, xúc động đến rơi nước mắt.

Một hôm, ông khôn khéo trốn khỏi bệnh viện. Đến tối thì có người thấy ông nằm chết trong chiếc ao nhỏ cạnh Cầu Chui Gia Lâm. Vì ao hầu như không có nước, chỉ toàn bùn, nên ông không chìm. Ấy thế mà ông chết. Một điều lạ nữa là lúc chết ông đeo chiếc bị cói sát nách, tay giữ chặt chiếc gậy trúc già trơn bóng, những thứ trước đây chưa ai nhìn thấy bao giờ.

Một người nhân đức nhường ấy mà phải chết thế thì thật tội nghiệp, ông trưởng dân phố nơi ông M. sống bùi ngùi nói khi người ta liệm ông vào quan tài.

Hà Nội,

26. 4. 2002

Thái Bá Tân

Gửi nàng Elise

Chiếc xe buýt du lịch cao ngất ngưỡng, màu sơn sặc sỡ chậm chạp chạy theo những tuyến đường rải nhựa ngoằn ngoèo trong công viên - vườn thú Safari ở ngoại ô Băng Cốc.

Nếu phóng tầm mắt xa chút nữa, người ta sẽ có cảm giác như đang đi trong các vườn quốc gia châu Phi. Thỉnh thoảng, chiếc xe dừng lại nhường đường cho một đàn hươu cao cổ. Những con vật vụng về tuyệt đẹp với chiếc cổ cao lêu đêu ngất ngưỡng đi sát ngay bên xe.

Có con dừng lại, chạm chiếc đầu bé một cách mất cân đối vào lớp kính thành xe như tò mò muốn biết bên trong cái hộp biết đi kỳ cục này có gì. Xa hơn chút ít là bày tê giác, một hoặc hai sừng, con nằm con đứng, con trơ trẽn hít mông con khác. Mấy con hổ hoặc sư tử, gấu nằm phơi nắng trên ô đất cao bên khe nước. Hình như mỗi loài có một khu riêng, nhưng không thấy có gì ngăn cách. Lại một điều là các loài hiền lành như nai, dê sống cạnh những loài ăn thịt mà chẳng thấy cảnh săn đuổi giết chóc.

Trên xe, khoảng bốn chục khách du lịch người Việt, phần lớn gồm các ông, các bà có tuổi mới ra nước ngoài lần đầu, được cơ quan bao trọn gói cả tua. Cũng có gia đình bỏ tiền túi đi riêng, hầu hết đến đây mới gặp nhau lần đầu. Hướng dẫn đoàn suốt tua là một Việt kiều sang đây đã hai mươi năm, bốn mươi tuổi nhưng chưa vợ, người gầy đen, hóm hỉnh và hay pha trò, dù đôi khi không đúng chỗ. Còn một cô người Thái trẻ đẹp nói tiếng Anh rất sõi, nhưng ít người biết tiếng Anh, nên cô luôn im lặng với nụ cười trên môi.

Xe qua một khu rất nhiều chim. Anh hướng dẫn người Việt bỗng ngừng lời quảng cáo các trò giải trí ở Băng Cốc, sôi nổi:

- Các vị hãy nhìn kia! Đây là loài nổi tiếng chung thủy nhất trong các loài chim. Điều ấy có đáng biểu dương hay không là chuyện khác, nhưng chúng bao giờ cũng sống có đôi. Và khi một con chết, con kia sẽ bay tít lên cao để lao đầu xuống chết theo!

- Tuyệt nhỉ! - Một bà thốt lên. Bà mặc chiếc váy sọc to, người đầy đà, mặt đỏ lựng vì hay xúc động.

- Ngớ ngẩn. Thế là ngu! - Ông ngồi bên đáp. Ông này nhỏ con, mái tóc bạc gần hết, có vẻ phong trần nhưng giọng nhỏ nhẹ, chẳng tương xứng chút nào với câu thô lỗ vừa nói.

Bà kia cụt hứng, nhăn trán khó chịu nhưng không đáp lại.

Mọi người nhìn theo hướng được chỉ. Trên một cành cây cụt có đôi chim gì đó to lớn đang đậu, màu sắc sỡ và đuôi dài như chim công.

- Tôi dám chắc chỉ con cái lao xuống chết chứ con đực thì không -
Một ông khác lên tiếng.

Anh hướng dẫn do dự một chốc rồi đáp:

- Rất tiếc rằng quả đúng như thế. Chỉ con cái. Chỉ phái yếu mới biết hy sinh vì tình yêu. Do vậy, trong vấn đề này họ cao hơn hẳn đàn ông chúng ta.

- Và ngay cả khi con cái của mình còn sống - Ông đầu bạc nói - Con đực vẫn thường xuyên lăng nhăng với các con cái khác...

- Tôi không chắc lắm, nhưng có lẽ điều ấy cũng có.

- Vậy tôi nói ngu không đúng ư? Ấy là tôi nói về những con chim cái kia, tất nhiên, chứ không phải các bà. Đơn giản vì nhiều bà chưa được như thế.

Bà váy sọc quay sang nhìn ông, mặt đã đỏ càng đỏ hơn:

- Ông là người thô lỗ hiếm thấy!

Xe dừng, vì lại có con rắn lớn nằm chắn đường. Nhân dịp này anh Việt kiều chuyển đề tài, nói rằng có loài rắn thời gian giao cấu kéo dài những ba mươi tư tiếng. Mọi người có vẻ ngạc nhiên nhưng không nói gì. Chỉ một bà khẽ thốt lên "Khiếp", rồi không hiểu sao cười khúc khích một mình.

Buổi trưa ăn xong, khi ngồi nghỉ bên suối nước đầy những con cá to bằng bắp chân đủ màu, chờ buổi biểu diễn mô phỏng một số cảnh trong phim Điệp viên 007, ông đầu bạc quay sang nói với bà váy sọc:

- Bà đừng giận nữa. Tôi nói là nói cho vui thế thôi. Nhưng chắc bà cũng đồng ý rằng trong tình yêu quả có nhiều điều kỳ cục không giải

thích nổi.

Bà kia im lặng. Một người xen vào:

- Có thể mới là tình yêu. Chứ không thì chán chết.
- Năm ngoái ở phố tôi có người vợ chết, buồn quá mà tự tử đấy. Ông bảo thế cũng ngớ ngẩn sao? - Một người hỏi.
- Đúng. Ngớ ngẩn! Chết chưa phải là bằng chứng một tình yêu lớn.
- Thế theo ông thì là gì?
- Chỉ những người yếu đuối mới chết vì tình. Sống để yêu mới khó! - Ai đó bình luận.
- Tôi thì cho là ngược lại.

Thế là người ta bắt đầu tranh luận về tình yêu. Không mấy hăng hái.

Có người ngủ gật. Cuối cùng ông đầu bạc lên tiếng:

- Để tôi kể các vị nghe chuyện này. Sau đó ai muốn kết luận thế nào thì tùy.

Ông ngọ ngoạy trên ghế, khẽ hắng giọng rồi bắt đầu.

Trong tình yêu quả có nhiều sự lạ, mà chủ yếu từ phía phụ nữ. Tôi biết một người, có thể nói tuyệt vời về mọi mặt. Xinh đẹp, có học, gia đình êm ấm, với một ông chồng trí thức và hai đứa con rất ngoan. Ấy là tôi nói trước đây, khi câu chuyện chưa xảy ra, mấy chục năm trước. Thế mà con người có học, thông minh và đang hạnh phúc ấy bỗng dưng bỏ chồng con chạy theo một gã trai chẳng ra gì. Lúc ấy bà ta đã hơn ba mươi, còn thằng kia mới hăm lăm, chưa vợ nhưng nổi tiếng chim gái nhất nhì thành phố. Các vị muốn biết vì sao? Đơn giản vì một hôm ngẫu nhiên gặp nhau ở đâu đó bà ta đã được hấn, lúc ấy mới tốt nghiệp khoa piano, chơi cho nghe một bản nhạc ngắn. Vậy mà trời xui đất khiến thế nào, bà ta đem lòng si mê hấn, rồi ba

hôm sau bỏ nhà theo hấn cả một tuần. Lúc về thì cương quyết đòi ly dị chồng, không được, liền khăn gói bỏ sang ở hấn với người tình mới.

Chắc có vị bảo tôi phịa, vì những chuyện như thế chỉ bên Tây mới có chứ không thể ở ta, nhất là vào thời đói khổ ấy. Bản thân tôi cũng không hiểu, nhưng sự thật nó xảy ra đúng như thế. Thì đã bảo sự lạ mà. Tôi nghĩ trong bộ não con người, hay nói trái tim cũng được, có một chỗ nào đấy rất mềm, rất nhạy cảm và dễ bị tổn thương bởi những xúc động mạnh, sau đó thì không sao lành lại được. Có thể trường hợp cái bà tôi đang kể cũng vậy. Bản nhạc kia đã làm bà ta mất trí. Nếu không, chẳng sao giải thích nổi những việc bà ta làm sau này. Ở xóm tôi có một ông nhờ đọc Luận Ngữ của Khổng Tử và Đạo Đức Kinh của Lão Tử mà trở thành người khác hẳn đấy. Theo hướng tốt hơn, tất nhiên. Tôi cũng đọc nhưng chẳng thay đổi gì. Nghĩa là tùy người, tùy hoàn cảnh.

Bản nhạc thằng cha kia chơi là bản Fur Elise cổ điển, Gửi Elise, của ông nhạc sĩ người Đức Beethoven. Nó ngắn thôi, lại đơn giản, nhưng phải nói rất hay, dễ gây xúc động, nhất là khi người nghe được kể rằng ông nhạc sĩ thiên tài già và điếc này đã gửi nó thay thư, cho một nàng Elise nào đó ông lặng lẽ yêu say đắm mà không được yêu lại. Chắc thằng kia vừa đàn vừa phịa thêm cho câu chuyện tình lãng mạn đó nhiều chi tiết lâm ly để gây ảnh hưởng với người hấn định tán. Và hấn đã thành công.

Tôi chẳng hiểu chuyện gì xảy ra trong cái đầu thông minh mà ngu ngốc của bà ta. Bản nhạc làm bà mù người, đến mức có thể yêu, yêu si mê một người như hấn - mặt lười cày, mắt ti hí, gầy nhom như thằng nghiện, bản tính lại thô lỗ, lười nhác và ích kỷ nhất hạng. Sau

ba tháng sống với nhau như vợ chồng, hắn đã chán nên thẳng tay đuổi người tình khỏi nhà. Trong ba tháng ấy, bà kiếm tiền nuôi hắn, cung phụng, tôn thờ hắn như một nô lệ, tất cả chỉ để thỉnh thoảng được nghe hắn chơi bản nhạc Gửi Elise kia! May bố mẹ giàu, mua cho ngôi nhà nhỏ trong ngõ chợ nên bà không phải quay lại với chồng, dù ông này tha thứ và cố thuyết phục nhưng bà nhất định không nghe. Có thể vì tình yêu với hắn, cũng có thể bà xấu hổ với chồng con nên quyết định đâm lao thì theo lao.

Vài tuần sau, đã quen được cung phụng, thằng kia mò đến tìm. Bà vội vã đi theo hắn, không một lời căn vặn, trách móc. Có điều lần này hắn trở nên quá quắt, thô lỗ hơn, và tất nhiên không thèm giữ ý tứ, tán tỉnh như trước. Hắn ngang nhiên dẫn gái về nhà, cả khi bà có mặt. Thật kỳ lạ, bà nhẫn nhục chịu đựng tất cả. Vì hắn. Vì cái bài Gửi Elise của hắn! Tôi không là bác sĩ, không biết gì về thuyết phân tâm của Freud, nhưng tôi cho rằng có thể đây là một dạng bệnh tâm thần. Đại khái như tâm thần tình yêu chẳng hạn.

Rồi cuối cùng bố mẹ thằng kia cũng bắt hắn lấy vợ. Bà ta lủi thủi quay về ngôi nhà trong ngõ chợ, lủi thủi héo hon chờ đợi mỗi tháng đôi lần hắn đến xin tiền. Bà nhịn ăn, ky cóp từng xu, có khi phải đi vay để đưa cho hắn. Những lúc ấy, mặt bà rạng rỡ hạnh phúc, nói năng ấp úng vì xúc động. Có thể từ lâu bà nghĩ mình là nàng Elise và là người tình của Beethoven chẳng? Hắn thì không hề thất tình đau khổ mà luôn khinh khỉnh với bà, và hễ có được tiền là tìm cách chuồn ngay.

Cứ thế kéo dài hai mươi năm. Các vị ngạc nhiên phải không? Thế tôi mới nói là ngu, là ngớ ngẩn. Trong hai mươi năm ấy, bà có thể quay lại với chồng con bất kỳ lúc nào, nhưng bà đã không làm thế. Ông

chồng đều đặn hàng tháng gửi tiền cho người vợ chưa ly dị của mình - chẳng hiểu vì tình yêu hay lòng thương. Sau này anh con lớn lên, đi làm, thỉnh thoảng cũng cho thêm. Tất nhiên bà đưa hết số tiền đó cho Beethoven của mình. Vì hấn, bà đã bị đuổi việc do tự ý nghỉ quá nhiều.

Suốt thời gian ấy bà sống lặng lẽ, vật vờ như cái bóng, không sự cố gì đặc biệt, trừ hai lần bị đẩy đến tột đỉnh của hạnh phúc và sợ hãi. Chính xác là một hôm vào cuối năm 1978, để bà chạy kiếm cho một khoản tiền không nhỏ, hấn đã chiếu cố đưa bà đến Nhà hát Lớn nghe buổi hòa nhạc của một nghệ sĩ dương cầm người Nga. Trong chương trình có bản Fur Elise. Bà đã dành trọn ba ngày chuẩn bị trang phục, phong thái cho sự kiện vô cùng trọng đại đó. Sự kiện thứ hai xảy ra khoảng mấy năm sau. Bà bị vợ hấn tạt a-xit do ghen tuông. May không trúng mặt. Chỉ bị bỏng nhẹ ở bàn tay phải. Sau đấy vì sợ hãi, bà ốm mất cả tháng.

Bây giờ bà đã là một cụ già. Một cụ già khốn khổ nhưng mãi nguyện vì đã mười năm nay được sống với người mình yêu. Số là vợ thằng kia không chịu nổi, cuối cùng đã bỏ đi, để lại hấn một mình không việc làm, không đồng xu dính túi, hơn thế lại mắc bệnh hen suyễn và xơ gan nặng vì rượu. Thời gian gần đây, hấn hầu như chỉ nằm một chỗ, thậm chí có muốn cũng không chơi nổi bài Fur Elise để gọi là trả công cho mọi lo toan vất vả của cụ. Vì yếu và bất động, hấn không thể thô lỗ trâng tráo như trước, nhưng thỉnh thoảng vẫn quát cụ bằng cái giọng khò khè khi cần cái gì đó. Những lúc ấy, người đàn bà tội nghiệp chạy cuống lên để thỏa mãn yêu cầu của hấn, miệng xuýt xoa đầy cảm động...

- Đúng là một mụ điên! - Ai đó lên tiếng khi người kể chuyện dừng lời.

- Dẫu sao cũng là một tình yêu lớn. Người yêu được như thế ít lắm - Một người khác nói, không hiểu sao lại thở dài rõ to.

Bà váy sọc quay sang ông đầu bạc, thái độ lúc này có vẻ thân thiện hơn:

- Ông không là nhà văn đấy chứ? Ông phịa giỏi lắm. Phi lý nhưng nghe mùi mẫn. Hay ông đọc được ở đâu đó ?

- Tin hay không hoặc nghĩ thế nào tùy bà. Tôi đã nói trước rồi mà. Nhưng chuyện có thật đấy. Trăm phần trăm, dù đúng là ngớ ngẩn và phi lý như bà nói. Mà suy cho cùng, ở người đàn bà nào cũng có chút ít chất ngớ ngẩn và phi lý ấy, đặc biệt khi chuyện liên quan đến tình yêu. Vấn đề là mức độ. Nếu bà vẫn không tin, hôm nào về Hà Nội tôi sẽ dẫn đến gặp người đàn bà ấy. Bà ta có quán nước trà ở Ngã năm Lò Đúc. Để có tiền, bà ta còn làm bao nhiêu việc, từ giặt thuê, trông trẻ cho đến trông xe. Không ít khi còn giở trò láu lỉnh tính gian tiền của khách. Vất vả lắm, nhưng mãn nguyện ra mặt. Bà cứ đến rồi khắc thấy. Mà bà ta đã bắt đầu phát phì ra rồi.

- Thế còn ông chồng cũ? - Một người hỏi.

- Chẳng sao cả. Ông ấy không ly dị vợ, cũng chẳng lấy vợ khác. Một người tốt như tôi nói. Đến giờ vẫn đều đều hàng tháng gửi tiền cho bà. Nghe nói ông còn tự học piano để chơi bài Gửi Elise cho bà ta nghe. Nhưng tiếc là tiếng đàn của ông không đủ làm bà xúc động mà quay lại.

- Cũng lại một thằng ngốc nốt !

- Có thể. Tình yêu cũng biến đàn ông chúng ta thành những thằng ngốc. Hơn thế, chúng ta còn lấy làm hạnh phúc vì sự ngu ngốc ấy.

- Tôi nghi không khéo ông chính là chồng của bà ta...

Bà mặc váy sọc cười khúc khích sau câu nói. Ông đầu bạc không đáp, chỉ quay mặt sang hướng khác.

Đến giờ đi tham quan tiếp. Không khí chẳng còn mấy hứng khởi, phần vì bữa ăn no đang gọi cơn buồn ngủ, có lẽ phần cả vì câu chuyện vừa rồi. Không ai nhắc tới nó, nhưng còn vương vấn trong suy nghĩ, chuyện người khác và chuyện của mình.

Buổi tối ở khách sạn, trước khi đi dạo phố, ông đầu bạc ngồi xuống trước chiếc đàn piano loại lớn, màu đen bóng loáng tại phòng ăn.

Những ngón tay lóng ngóng của ông rón rén dạo trên các phím đàn. Bản Fur Elise của Beethoven! Ông đàn hai lần, đều lưu loát, trừ một chỗ vấp ở đoạn giữa. Tiếng đàn còn vụng về nhưng diễn cảm và đúng nhịp.

Mọi người quay sang nhìn. Đàn xong, ông đặt tay lên đầu gối, nói với mấy bà đang đứng cạnh:

- Không ai si mê tôi à?

Truyện ngắn của Thái Bá Tân

Thái Bá Tân

Hà Nội những ngày trước Tết

Từ năm 1947 đến nay vậy là đã 53 năm, nếu kể cả năm vừa đến là 54. Lúc ấy ông là một trung úy quân đội Pháp 27 tuổi, có nghĩa bây giờ ông đã già, rất già. Lại yếu nữa. Cũng chẳng còn sống được bao lâu. Dự định từ nhiều năm trước, nhưng mãi đến lúc này ông mới thực hiện được ước mơ của mình là quay lại Việt Nam để tìm gặp ân nhân, một chiến sĩ Việt Minh được lệnh thủ tiêu ông, nhưng đã tự ý tha cho ông sống. Trong chiến tranh đó là một tội lớn, ông biết. Ở đâu, thời nào cũng vậy. Hơn nữa, người ấy là cộng sản, lại vào lúc họ mới bị đánh bật khỏi Hà Nội và không khí chống Pháp đang rất cao. Tội to lắm. Tội phản bội, vâng, ông biết. Người ta không ngần ngại tử hình những kẻ phạm các tội loại này. Có thể ân nhân của ông đã phải chết thay ông. Cũng có thể không. Cuộc đời chẳng biết thế nào mà lường. Trong trường hợp ấy, tại sao ông không thử tìm, dù chỉ một lần, dù hầu như không có hy vọng tìm thấy? ít ra cũng để nói hai tiếng "cảm ơn" mà lần ấy vì vội, vì sợ, ông chưa kịp nói. Có thể, ông mới cảm thấy thanh thản khi rời khỏi cuộc đời này.

Vậy là vợ chồng ông mua vé một tour du lịch trọn gói mười hai ngày tới Việt Nam cùng ba chục người Pháp khác, phần lớn đều già và ít nhiều có kỷ niệm riêng với thuộc địa An Nam xưa. Cả đoàn trở về Pháp từ thành phố Hồ Chí Minh, còn vợ chồng ông thì quay lại Hà Nội để bắt đầu thực hiện mục đích chính của chuyến đi.

Hà Nội năm nay rét muộn. Lúc này, khi chỉ còn nửa tháng nữa là Tết mới có đợt gió mùa mang theo chút mưa phùn và giá lạnh. Đường phố ẩm ướt, nhiều chỗ loét nhoét bùn bẩn. Ông bà thông thả đi dọc theo các phố, sau mỗi chân phải thuê xích lô. Thành phố bây giờ khác hẳn cái thời ông biết nó. Hầu như không nhận ra, trừ khu Ba Đình và một vài phố cổ. Họ chẳng biết nên bắt đầu công việc tìm

kiếm từ đâu và bằng cách nào.

Ông sang Việt Nam từ trước 1945, lúc đầu chỉ là anh lính bình thường, nhưng vốn con nhà giàu, gia đình có nhiều quan hệ nên ông nhanh chóng thăng chức và được điều về làm việc ngay trong sở chỉ huy quân đội Pháp ở Hà Nội. Nhiều lần ông theo viên sĩ quan cấp trên của mình tới chơi nhà một tư sản Việt Nam nổi tiếng giàu, am hiểu nghệ thuật và giao lưu rộng thời đó. Tại đây ông làm quen với con gái chủ nhà, một thiếu nữ tân thời xinh đẹp, thông minh và đã từng sống ở Pari mấy năm với gia đình một người bà con xa. Ông chẳng hiểu có phải tình yêu không, nhưng hai người có vẻ hợp và mến nhau. Tuy nhiên, họ chỉ dừng lại ở đó. Phần vì chắc cô gái không đủ dũng cảm mang tiếng "láy Tây", còn ông thì chưa biết phản ứng của bố mẹ thế nào. Vả lại còn trẻ, ông không muốn sớm chuốc vào thân cái gánh nặng vợ con.

Một lần, lúc ấy là đầu năm 47, quân Pháp vừa trở lại Hà Nội, người ta giải đến đơn vị ông phụ trách "một tên Việt Minh nguy hiểm" bị bắt trong khi tìm cách đột nhập một trại lính Pháp với quả bộc phá còn giấu trong người. Hóa ra "tên Việt Minh nguy hiểm ấy" lại chính là anh trai cô gái Việt Nam ông quen, và ông đã từng một vài lần nói chuyện với anh ta. Hình như tên Thành hoặc Thanh gì đấy, sinh viên năm thứ tư trường luật khi lần cuối họ gặp nhau. Ông ngạc nhiên sao anh ta còn ở Hà Nội, vì cả nhà đã sang Pháp từ trước cách mạng. Lại còn làm Việt Minh nữa. Phải xử sự thế nào bây giờ? Theo luật thời chiến lúc ấy, anh ta phải bị đem bắn.

Hai người im lặng nhìn nhau hồi lâu. Cuối cùng ông nói:

- Tôi khuyên anh không nên làm những việc đại dột. Tốt nhất hãy

sang Pháp cùng gia đình. Nếu không, đừng ở lại Hà Nội. Lần sau tôi sẽ không tha đâu. Anh có thể đi.

Anh ta chỉ mấp máy môi nói hai tiếng "cảm ơn" rồi bước ra khỏi phòng. Ông biết có thể sắp tới ông sẽ gặp rắc rối về việc này, nhưng kỷ niệm về cô gái, về những buổi tối vui vẻ ở nhà cô và những lần nói chuyện thân thiện với anh ta không cho ông làm khác. Ông nghĩ họ sẽ không bao giờ còn gặp lại. Không ngờ mấy tháng sau hai người lại chạm trán lần nữa.

Trong một trận đánh đối phó lại chiến dịch Thu Đông của Việt Minh cuối năm 47, ông bị địch bắt ở L. Lúc ấy quân tiếp viện Pháp đang tới và đơn vị Việt Minh kia phải rút lui. Họ mang theo ông về căn cứ.

Ông bị thương ở chân trái không tự đi được, phải dìu hoặc đôi khi phải cõng, nên họ không thể rút nhanh, quân Pháp lại đang đuổi gấp phía sau. Cuối cùng họ quyết định thủ tiêu ông. Trong chiến tranh những việc như thế thường xảy ra, ở cả hai phía. Ông biết vậy, và sẵn sàng chấp nhận số phận. Không ngờ người được giao làm việc này lại chính là người chịu ơn ông tha chết trước đây. Mãi lúc này họ mới nhìn thấy nhau, nhưng không ai tỏ ra từng quen biết. Anh ta lặng lẽ cầm súng đưa ông vào khu rừng bên cạnh. Đến nơi, ông không nhắc lại chuyện cũ, không van xin tha chết. Anh ta cũng im lặng.

- Tôi cũng khuyên ông nên về Pháp, - cuối cùng anh ta lên tiếng, giọng bình thản, pha chút diều cợt. - Lần sau tôi không tha đâu.

Rồi anh ta hát hàm bảo ông đi đi. Lát sau, ông nghe ba tiếng súng nổ đanh giữa trời chiều tĩnh mịch.

Nửa năm sau, ông về Pháp, bắt đầu sống cuộc sống bình thường như hàng triệu người Pháp khác. Ông có đủ trăm mối lo đời thường để quan tâm, để quên đi những năm tháng không mấy vui vẻ ở Đông

Dương. Nhưng chuyện này thì ông không quên được. Thực ra, giữa ông và người kia coi như thanh toán sòng phẳng với nhau. Hai người đã dũng cảm vượt hàng rào ngăn cách thù địch về giai cấp, lý tưởng để xử sự với nhau như những con người ân nghĩa. Vậy mà bao năm nay ông vẫn luôn băn khoăn không hiểu số phận người kia sau đây thế nào. Ông biết kỷ luật cộng sản nghiêm lắm. Liệu chuyện có lộ và người ấy đã bị xử bắn thay ông rồi không, hay biết đâu còn sống, và nhờ phép lạ nào đấy có thể ông gặp lại được? Ở Pháp, nhiều lần ông bỏ công tìm cô bạn gái người Việt cùng gia đình cô để hỏi thăm, nhưng điều duy nhất ông biết là đầu năm năm mươi cả nhà họ chuyển sang Mỹ sống. Cụ thể ở đâu không rõ.

Trở lại Hà Nội, vợ chồng ông thuê phòng ở một khách sạn mini ngay trong khu phố cổ, vừa rẻ tiền, vừa tiện đi lại. Khách sạn chỉ có mười buồng nhưng tử tế, chỉ tội hơi chật. Lúc họ đến đang có một đôi vợ chồng trẻ người Mỹ, hai cô gái du lịch người Anh, một giám đốc từ Sài Gòn ra công tác và một ông già Việt Nam có vẻ như ở lâu dài tại đây. Các nhân viên khách sạn có thái độ kính cẩn đối với ông già kia. Ông là họa sĩ, không hiểu nghiệp dư hay chuyên nghiệp, chỉ thấy sáng sáng xách giá ra bờ hồ Hoàn Kiếm ngồi vẽ, trưa mới về, có khi chẳng vẽ được gì. Buổi chiều ông ở nhà đọc sách. Mấy người nước ngoài kia là "Tây ba lô", tiện đâu ăn đấy, còn vị giám đốc người Việt thì ngày nào cũng bận chiêu đãi, thành ra chỉ có vợ chồng ông và ông già họa sĩ ăn ở khách sạn. Ngày ba bữa, cả sáng, trưa và tối. Ông họa sĩ là người lịch thiệp, hiểu biết rộng, nói tiếng Pháp rất sõi nhưng ít nói, thậm chí có vẻ khó gần. Thành ra hàng ngày khi ngồi ăn chung với nhau, họ chỉ trao đổi những câu xã giao, không ai hỏi ai về

việc riêng người khác.

Sáng nay ăn xong, ông người Pháp hỏi:

- Ông là người gốc Hà Nội?

- Vâng, - ông họa sĩ lịch sự đáp. - Tôi có thể giúp được gì cho ông bà?

- Đường phố Hà Nội bây giờ tên mới, lại thay đổi nhiều quá, không nhận ra nổi.

- Thế ông bà muốn đến phố nào?

Ông kia nói một cái tên Pháp:

- Tôi đến đây có tí việc.

Ông họa sĩ bảo anh xích lô thuê bao của khách sạn chở hai người tới nơi họ cần đến, rồi thông thả xách giá vẽ ra đi như mọi ngày.

Đó chính là đường phố hôm trước hai ông bà người Pháp đã đến và ngờ ngợ nghĩ có thể là phố có ngôi biệt thự của ân nhân mình. May phố này ít nhà và không thay đổi nhiều lắm. Nhưng nhà nào đây?

Ông cố nhớ mà không sao nhớ nổi. Cái này chăng? Hay cái này? Họ đi đi lại lại hồi lâu trên vỉa hè, lúc bên này, lúc bên nọ, dọc theo đường phố ngắn mà rộng nằm cạnh quảng trường Ba Đình.

Trời lâm thâm mưa phùn. Gió lạnh thổi. Chốc chốc những chiếc lá vàng lặng lẽ rơi xuống. Ông cúi nhặt một lá, tần ngần ngắm nghía hồi lâu như kỷ vật một thời xa xưa bây giờ đang sống lại trong ông thành những mảng hình thù không rõ nét. Đây đó người ta bắt đầu trang trí các dây đèn màu và các tấm pa-nô chuẩn bị đón Tết.

Cuối cùng, ông đánh bạo dắt vợ vào một ngôi nhà mà ông cho là giống hơn cả. Đó là đại sứ quán một nước đông Âu. Ông hỏi một người Việt Nam đứng tuổi làm việc ở đây có phải trước kia đây là nhà của ông Vân Long, chủ nhà in Minh Tâm nổi tiếng không. Người

kia trả lời không biết vì ông ta mới về Hà Nội làm việc sau năm 60. Ông cũng nêu câu hỏi tương tự khi ngồi ở quán cà phê phố cạnh. Cô chủ quán trẻ tuổi chỉ cười lắc đầu và quay sang hỏi lại một ông già khách quen ngồi ở bàn bên. Ông này bảo có biết, nhưng không phải nhà ấy mà nhà bên, hiện nay là một vụ của bộ ngoại giao.

- Thế ông biết gia đình ông Vân Long chứ? - ông người Pháp vội hỏi.

- Biết. Tôi sống ở khu này mà. Trước đây tôi cũng tập tành làm thơ và từng in ở nhà in ông ấy. Cả nhà họ sang Pháp từ thời trước cách mạng.

- Ông Vân Long có một người con là bộ đội Việt Minh...

- Vâng, hình như thế.

- Ông không biết cụ thể à? Người ấy bây giờ còn sống không?

- Điều ấy thì tôi không biết. It ra từ ấy đến nay tôi không gặp và không nghe nói gì về ông ấy. Ông là bạn của ông ấy à?

- Có thể gọi như vậy. Tôi có việc muốn gặp, nếu ông ấy còn sống, tất nhiên.

- Rất tiếc tôi không giúp được ông. Nhưng tôi nghĩ ông có thể đến hỏi ở bộ quốc phòng. Bên kia kia. - Ông già nói rồi chào khách, tay cầm vợt đi về phía sân tennis Khúc Hạo.

Hai ông bà người Pháp ngồi thêm chốc nữa rồi quyết định tới bộ quốc phòng ở thành nội, là nơi ông từng sống và biết rất rõ. Ở đấy, họ được một sĩ quan trẻ tiếp đón lịch sự, ghi chép cẩn thận những câu ông hỏi, cả địa chỉ của họ ở Pháp, hứa sẽ tìm trong kho hồ sơ lưu trữ và thông báo ngay khi có kết quả.

Họ trở về khách sạn với ít nhiều hy vọng, dù rất mong manh. Hôm sau, qua một công ty du lịch, họ thuê ô tô lên L, nơi ông từng bị bắt và được tha chết.

Hai ngày sau họ trở lại Hà Nội và lại cùng ngồi ăn tối với ông già họa sĩ. Lúc này, qua cô lễ tân, họ biết ông là một vị tướng về hưu, ông nội của chủ khách sạn này, và rằng gia đình ông đã chết gần hết trong đợt Mỹ ném bom Hà Nội cuối năm 1972. "Một anh hùng đấy! Anh hùng Thiếu Sơn! - cô ta thăm thì về bí mật quan trọng. - Ông bà chưa bao giờ nghe tên à?"

- Hôm nay ông có đi vẽ không? - ông người Pháp lên tiếng trước, khi họ ngồi vào bàn và đang chờ mang thức ăn tới.

- Có. - Ông họa sĩ vẫn ít lời như mọi ngày.

- Ông thường vẽ gì?

- Gặp gì, hứng gì vẽ ấy thôi mà, - ông cười đáp. Một nụ cười hiếm hoi.

- Xin lỗi, chúng tôi có thể xem được chứ? - ông kia hỏi, chỉ tay vào chiếc giá vẽ với bức phác họa còn để cạnh, chưa mang lên phòng.

- Tất nhiên, nếu ông bà muốn. Tôi chỉ vẽ cho vui thôi.

Họ ngạc nhiên khi thấy ông không vẽ cảnh thiên nhiên, hồ nước, cây hoa như họ tưởng. Thay vào đó là cảnh Hà Nội đổ nát, bốc cháy, với nhân vật trung tâm là một chiến sĩ mũ calô, áo trấn thủ đang ôm bom ba càng lao tới. Vì không am hiểu lắm về hội họa nên họ không nhận xét gì, và chuyển sang đề tài khác.

- Hà Nội bây giờ đẹp lắm. Việt Nam cũng khác hẳn xưa. Chỉ tội mưa nhiều và hơi lạnh.

- Vâng. Lần này mưa lâu thật. Không hiểu đến Tết có ấm lên không. Sau bữa ăn, họ còn ngồi nói chuyện thêm chốc nữa.

- Ngày mai chúng tôi về nước, - ông người Pháp nói khi bắt tay xin phép lên phòng.

- Chúc ông bà thượng lộ bình an. - Ông họa sĩ đáp.

Ông còn ngồi lại rất lâu bên bàn ăn, lơ đãng nhìn ra phố. Trời vẫn mưa lất rắt. Trong làn mưa bụi nhẹ nhẹ, ánh đèn nhiều màu như nhòe ra, tạo cho Hà Nội những ngày trước Tết một vẻ đẹp khác thường, lung linh, kỳ ảo. Vốn không tò mò chuyện người khác, ông không hỏi và không biết hai ông bà già người Pháp kia sang Việt Nam với mục đích gì. Và họ cũng không thể ngờ rằng người họ đang tìm lại chính là ông, người họa sĩ già cùng ở chung một khách sạn, gặp nhau hàng ngày và ăn cùng một bàn.

Vâng, chính ông là con trai chủ nhà in Vân Long ngày trước, là anh Việt Minh có tên là Thành được ông tha chết và đáp lại, đã không bắn ông theo lệnh trên. Năm tháng và sự thay đổi của con người theo tuổi tác khiến họ không nhận ra nhau. Phần ông, mọi việc sau đó không quá bi đát như ông già người Pháp lo nghĩ. Lúc ấy, sợ bị kỷ luật nặng, ông trốn vào chiến trường miền trung, thay đổi tên họ, chiến đấu dũng cảm, được đề bạt nhanh chóng và chẳng bao lâu thành một vị chỉ huy nổi tiếng. Đến khi thấy thích hợp, tự ông báo với tổ chức mọi chuyện và xin nhận bất kỳ hình thức kỷ luật nào. "Tôi là chiến sĩ cách mạng, nhưng tôi cũng là một con người. Hắn đã tha chết cho tôi, và tôi không thể giết hắn để trả cái ơn ấy!" - đó là lời giải thích duy nhất ông đưa ra. Cấp trên thấy không phải không có lý. Vì chuyện xảy ra đã lâu, lại tự ông thành thật khai báo, hơn nữa ông đang là một sĩ quan có năng lực, một đảng viên gương mẫu về mọi mặt, cuối cùng ông chỉ bị kỷ luật nhẹ và tiếp tục phục vụ trong quân đội. Cái tên Thiếu Sơn thì ông vẫn giữ vì nó đã trở nên quá quen thuộc, với mọi người và cả với chính ông.

Chuyện chỉ có thế, rất tiếc ông già người Pháp kia không biết. Ông cũng không biết rằng cô bạn gái Việt Nam của ông ngày nào đã rời

chính khách sạn mini này về Mỹ chỉ hai ngày trước khi ông đến. Hầu như năm nào bà cũng về thăm quê cùng một lũ cháu chắt.

Ba tháng sau, Bộ Quốc phòng Việt Nam gửi sang Pari cho ông một bức thư dài thông báo mọi chi tiết về cuộc đời của tướng Thiếu Sơn, người ông nhờ bộ tìm giúp. Cuối thư có ghi rõ rằng nếu ông muốn gặp lại ân nhân của mình thì hãy đến khách sạn ấy, phố ấy, nơi tướng Thiếu Sơn đang sống và hàng ngày vẫn ra bờ hồ Hoàn Kiếm ngồi vẽ.

Chỉ tiếc bức thư đến chậm. Ông đã chết nửa tháng trước đấy

Thái Bá Tân

Hai Chiếu Gương

Tình cờ, nhà tôi có hai chiếc gương giống nhau - cả kích thước, khung gỗ, ngày, nơi sản xuất, thậm chí cả tờ giấy cứng dán phía sau cũng thế. Nghĩa là hoàn toàn giống nhau, duy có một điều là khác, khác cơ bản: Một chiếc cho ảnh thật, còn chiếc kia thì không, ai soi vào cũng thấy mình đẹp hơn. Tất nhiên anh sẽ có cảm tình với chiếc gương biết chữa các khuyết tật bẩm sinh này. Có lẽ anh sẽ nâng niu sử dụng nó suốt đời, nếu không vì một cảm giác bất tiện, âm ỉ không dễ anh yên, rằng nó là... một kẻ nói dối. Một kẻ nói dối dịu dàng và đáng yêu!

Vâng, nhà tôi có hai chiếc gương như thế. Nhưng trong một căn phòng nhỏ mà treo hai chiếc gương lớn (hơn nữa lại giống nhau) là thừa. Thế là chúng tôi (tôi và hai cô em của tôi) quyết định cắt đi một chiếc. Chiếc nào? Tất nhiên không phải chiếc cho ảnh thật - chúng tôi là những người biết yêu chân lý và căm ghét giả dối.

Tôi biết chắc hai cô em tôi, tuy không nói ra, nhưng trong lòng rất tiếc khi phải tháo bỏ chiếc gương đáng yêu kia. Với tư cách là anh cả, tôi bắt chúng phải làm việc đó, nhưng chúng cứ ùn đẩy nhau mãi. Cuối cùng một đứa đề nghị cứ để treo cả hai, mặc cho ai ưa nịnh tha hồ soi vào chiếc gương giả dối. Tôi đồng ý.

Cho đến nay, cả hai chiếc gương vẫn ở nguyên vị trí cũ trong căn phòng bé nhỏ của chúng tôi. Hai chiếc kề bên nhau. Vô tình, chiếc gương thứ hai đã trở thành sự căm dỗ đầy thử thách đối với mỗi chúng tôi. Cũng dễ hiểu: ai chẳng muốn được thấy mình xinh đẹp, nhất là phụ nữ và một người bề ngoài không mấy hấp dẫn như tôi. Thành ra, nhiều khi phải vất vả lắm tôi mới không bỏ chiếc gương này để sang soi vào chiếc gương khác.

Một vài lần tôi bắt gặp các em tôi lén lút đứng trước chiếc gương giả dối. Nhưng tôi lờ như không nhìn thấy, phần sợ chúng xấu hổ, phần nghĩ con gái vốn yếu đuối, điều này đôi lúc có thể tha thứ được.

Còn tôi? Là đàn ông, tôi cương quyết không để bị cám dỗ. Tôi có thể tự hào mà nói rằng tôi đã luôn đứng vững, trừ một lần, vâng, chỉ một lần thôi, ấy là khi tôi chuẩn bị cho buổi hẹn đầu tiên với một cô gái.

Tôi ăn mặc rất chỉnh tề, hết sức chải chuốt, nhưng khốn nỗi, như đã nói, tôi không thuộc loại người đẹp trai, hơn thế lại bắt đầu già, nên tất nhiên chiếc gương thật đã không làm tôi hài lòng. Tôi giận mình, rồi giận lây cả nó. Thế này thì tôi không thể đi gặp người yêu được.

Tôi lại bỏ đi thay quần áo, lại chải chuốt. Một phút sau, tôi đã cố tình nhầm, đến đứng trước chiếc gương giả dối đáng yêu kia (thì hai chiếc rất giống nhau mà!) Lập tức tôi thấy tôi dễ coi hơn, các nếp nhăn trên trán dần ra, các đường nét trở nên thanh tú hơn. Chỉ lúc ấy tôi mới đủ can đảm đi đến chỗ hẹn.

Thái Bá Tân

Người không nhớ tên mình

Trong lần điều tra dân số gần đây, người ta đến hỏi một bà cụ ngẩn ngơ gần tám mươi tuổi ở làng Vĩnh Lộc:

- Tên cụ là gì?

Phải hồi lâu, sau khi nhắc lại câu hỏi tới lần thứ ba, bà cụ mới hiểu ra, và vừa móm mém nhai trầu vừa thông thả đáp:

- Còn là gì nữa, người ta vẫn gọi tôi là Cố Chuyên.

- Nhưng đó là tên đứa bé này, - một người trong lớp cán bộ chỉ đứa bé hai tuổi đang ngồi chơi bên cạnh. - Trước khi có nó, tên cụ là gì?

- Là Chính, theo tên cháu nội tôi.

- Thế trước đây?

- Trước đây tôi mang tên con gái tôi.

- Trước nữa?

- Trước nữa tôi được gọi theo tên chồng...

- Nhưng xin lỗi, cuối cùng thì tên thật của cụ là gì? - Một người khác sốt ruột hỏi .

- Tất cả những tên trên của tôi đều là tên thật, - bà cụ bình thản đáp.

- Không, thưa cụ, chúng tôi muốn biết tên cụ, tên riêng của cụ cơ!
Tên thời con gái ấy!

- Để làm gì?

Người ta lại phải dài dòng giải thích cho bà cụ hiểu thế nào là điều tra dân số và tên của cụ đối với họ quan trọng ra sao.

Bà cụ ngồi im hồi lâu, cố dựng lại trong đầu óc chậm chạp, lú lẫn của mình những hình ảnh rời rạc đã bị bỏ quên từ những năm xa xưa mờ mịt.

- Tôi không nhớ nổi, - cuối cùng bà cụ nói, giọng buồn buồn. - Sáu mươi năm rồi còn gì, và trong suốt chừng ấy năm, các ông các bà là người đầu tiên nhắc tới chuyện này. Vả lại, tôi còn cần gì đến nó, cái tên riêng ấy, một khi tôi đã có tên chồng, tên con, tên cháu, và nay là tên của thằng bé này?

Rồi bà cụ quay sang chơi với cháu. mấy anh cán bộ điều tra dân số nhìn nhau bất lực, đành ghi vào sổ tên bà cụ bằng tên của người chồng đã chết cách đây bốn mươi năm.

Ở quê tôi, bao đời nay bố mẹ luôn được gọi bằng tên con cả, sau con đến cháu, sau cháu đến chút chắt. Một truyền thống dân dã, mộc mạc, tốt đẹp? Chí ít cũng vô hại? Vâng. Bản thân tôi thích cái truyền thống ấy. Ở làng người ta luôn gọi bố mẹ tôi là ông Tân bà Tân. Nhiều người thắc mắc sao mãi đến giờ hai cụ chưa được gọi tên mới là ông Hiền bà Hiền, theo tên con gái tôi. Vì tôi là con cả nhưng sống ở Hà Nội. Bản thân các cụ cũng lấy làm khó chịu, thậm chí như thể bị xúc phạm. Một phong tục tốt đẹp, hẳn thế, nhưng xét kỹ, nó cũng tàn nhẫn không kém, vì nỗi cướp đi cái quý nhất của con người là tên của họ.

Thái Bá Tân

Người rách bóng

Dạo ấy tôi trẻ và còn hăng lắm. Chưa vấp vấp, chưa khổ đau, cứ ngẩng cao đầu bước đi giữa phố. Những bước đi tự tin không biết sợ, và thường được nhấn thêm bằng đế đôi giày da bóng lộn. Một hôm tôi chững chạc bước như thế trong công viên thành phố, còn thích thú di di gót giày sau mỗi bước đi. Lúc ấy là xế chiều một ngày đầu đông nắng đẹp. Công viên ít người, gió từ hồ Bảy Mẫu thổi nhẹ, các luống hoa mới được tưới tươi rói, không tỏa mùi hương, mà mùi đất hăng nồng. Vâng, tôi bước đi như thế với cảm giác lâng lâng, yêu đời và yêu mình.

Ồi! Bỗng ai đó kêu lên đau đớn.

Tôi giật mình đứng lại. Trên ghế đá ngay bên cạnh có người đang ôm mặt nhăn nhó. Đó là một ông già khoảng sáu mươi lăm, bảy mươi tuổi, tóc bạc gần hết, đeo kính mắt tròn gọng kim loại, mặc bộ vét màu lông chuột đã cũ nhưng khá thơm tất, tuy hơi rộng so với thân hình gầy yếu của ông. Chiếc cà vạt rất ngay ngắn trên cổ nhưng hơi nhàu. Chiếc mũ phớt dạ bóp lõm phía trước đã sờn bóng ở các mép gờ. Chiếc ba-toong tựa bên ghế, hơi ngắn vì dùng nhiều đã mòn, tay cầm cong cong khảm bạc. Tóm lại, vẻ ngoài của ông toát ra

cái gì đẩy cổ kính một cách lạc lõng, một trí thức cũ không muốn hoặc không thể hòa nhập với cuộc sống mới.

Tôi nhìn đôi mắt sáng ươn ướt chắc vì đau của ông già:

Thưa bác, có chuyện gì thế ạ?

Ông già ngược nhìn lên. Một khuôn mặt nhân hậu đầy nếp nhăn và những nốt đồi mồi.

Anh đang dẫn lên bóng tôi, anh bạn trẻ ạ. - Ông nói bằng tiếng Pháp. - Xin làm ơn bước sang bên!

Dẫn lên bóng? - Tôi ngạc nhiên thăm nghĩ. - Dẫn lên bóng mà lại đau, đến mức phải ôm mặt? Chỉ lúc ấy tôi mới để ý thấy chiếc bóng ông dưới chân mình. Mặt trời đã ngả về tây, không bị mây che nên sáng rực, chiếc bóng vì vậy khá dài, dù ông ngồi trên ghế. Tôi dẫn đúng vào vai chiếc bóng ấy.

Vâng, xin làm ơn đứng xê ra hộ. Nhanh lên!

Tôi vội lùi lại. Thật kỳ lạ. Chiếc bóng của ông bị kéo rê theo gót giày tôi, như thể nó dính vào đấy. Trong khi đó, ông già cúi xuống, nhẹ nhàng làm động tác luồn hai tay nâng chiếc bóng lên, kéo về phía mình. Rồi ông nhòe dậy bảo tôi giơ chân để ông gỡ một góc chiếc bóng khỏi đế giày. Thì ra nó bị vướng một chiếc đinh. Thời đó, đế gót giày không bị mòn vẹt, người ta thường đóng một lớp cao su bên dưới. Lớp cao su của tôi bị sút một góc, để lộ mấy chiếc đinh. Chắc vì thế nó mới làm ông già đau.

Anh xem này, nó bị thủng mấy chỗ! - ông già nói rồi giơ ngón tay chỉ, nhưng tôi không thấy gì.

Tôi nhìn ông nâng niu đỡ chiếc bóng trên tay, ngạc nhiên đến mức không thốt nên lời. Trông nó như tấm vải phíp thật mịn, mỏng và nhẹ, màu xanh thẫm chứ không hoàn toàn đen như thoạt tưởng.

Lần sau xin anh nhẹ chân và cẩn thận nhìn xuống lúc đi đường . Ông già khẽ nói, vẫn bằng tiếng Pháp, thứ tiếng Pháp của những năm bốn mươi thế kỷ trước.

Ông thận trọng trải chiếc bóng xuống đất vào vị trí cũ.

Không phải không thoáng lo sợ, tôi áp úng xin lỗi rồi vội bỏ đi, vẫn chưa hết bàng hoàng với những gì mới xảy ra.

Nửa tháng sau tôi lại đi dạo trong công viên, lại thấy ông già ấy ngồi sưởi nắng trên chiếc ghế đá quen thuộc. Dưới chân ông là chiếc bóng đang lặng lẽ nằm yên. Tôi bước nhẹ chân, cố không dẫm lên nó.

Cảm ơn , ông già nói khi nhận ra tôi, mỉm cười yếu ớt.

Cảm ơn vì tôi đã tránh không dẫm lên chiếc bóng! Thấy ông thân thiện, tôi nhìn xuống nửa ghế trống ra ý muốn ngồi cùng. Ông gật đầu. Thực ra tôi chẳng hào hứng gì khi tiếp xúc với một người kỳ dị như ông, nhưng sự tò mò không cho phép cưỡng lại.

Trông ông có vẻ ốm yếu hơn trước, như người đang bệnh, lưng hơi còng, đôi mắt sáng có phần mờ đục.

Không ngờ cú dẫm của anh hôm nọ làm tôi đau đến thế. - Ông nói. - Nhưng tôi không trách, vì anh chỉ vô tình. Người trẻ thường hay vô tình .

Cháu xin lỗi, - tôi đáp. - Thế... Thế cái bóng của bác lành lại chưa ạ? Chưa. Tôi tệ hơn, vết thương còn lây sang chỗ khác. Nên tôi mới thế này .

Tôi do dự một chốc rồi rụt rè hỏi điều cứ làm tôi băn khoăn mãi:

Thú thật với bác, cháu không hiểu vì sao ai đó có thể thấy đau khi bóng mình bị người khác dẫm lên .

Đơn giản vì anh bạn còn trẻ. Khi người ta già, từng trải, ném hết mọi

cái vui, cái buồn của đời, người ta sẽ trở nên nhạy cảm hơn với nỗi đau của mình và của người khác. Vì trẻ, anh chưa thấy đau, thậm chí chưa bao giờ nghĩ nghiêm túc rằng cái bóng là một bộ phận không thể tách rời của anh. Tôi dám chắc nhiều khi anh chẳng chút băn khoăn để bóng anh rơi xuống chỗ nào? Tôi gạt đầu một cách thành thật.

*

Lần sau vào công viên, từ xa tôi thấy ông già đang ôm ngực, cúi người trên ghế đá. Chiếc bóng dưới chân không còn dài, màu cũng trở nên nhợt nhạt hơn. Nghĩa là bệnh ông nặng hơn. Vết rách trên chiếc bóng chắc rộng lắm, có thể đã lan khắp nơi. Hoặc sưng tấy, mưng mủ mà tôi không thấy. Tôi ái ngại nhìn ông, lòng bứt rứt và không dám lại gần.

Lần sau nữa thì chẳng thấy ông đâu. Có lẽ ông đã chết. Chết vì vết thương tôi vô ý gây nên.

Từ ấy đến nay đã nhiều năm trôi qua, nhiều đến mức bản thân tôi cũng trở thành một ông già, thỉnh thoảng cũng ra công viên ngồi sưởi nắng. Tôi vẫn thường nghĩ tới ông già có chiếc bóng rách ấy với mặc cảm day dứt của người có lỗi.

Thỉnh thoảng cũng có người vô ý dẫm lên bóng tôi, nhưng tôi chưa bao giờ thấy đau. Việc này, thú thật, có làm tôi hơi buồn. Chẳng cần nghĩa nổi vì sao, nhưng cứ buồn. Tôi không là người mê tín, không tin vào phép lạ và các chuyện ma quỷ. Đến bây giờ tôi vẫn không hoàn toàn tin chuyện đã xảy ra với ông già kia mà tôi có phần can dự. Nhưng cũng không hoàn toàn phủ nhận.

Chỉ ít thì sau cái chết của ông, bao giờ tôi cũng nhắc mình cẩn thận

không để bóng rơi vào chỗ bẩn thỉu, không dẫm lên bóng người khác và cũng không để người khác dẫm lên bóng mình.

Hà Nội, 2003

Thái Bá Tân

Những cô gái áo trắng

N.V. ngày 20 tháng 11 năm 197...

Rét! Rét quá! Ba đứa một giường ôm nhau, mình nằm giữa, hai chân trùm kín đầu và chân, mà mãi không sao ngủ được. Có lẽ do trong hang ẩm và nước nhĩ bám đầy tường đá mới rét thế. Đêm nay ra bên phà gió mạnh, không hiểu sẽ thế nào?

Không ngủ được, nằm suy nghĩ vẩn vơ mãi cũng chán, đành dậy viết nhật ký. Xưa nay mình ít viết nhật ký, lại viết dở nên rất ngại, cả viết thư cũng thế. Nhưng lúc này... Biết làm gì cho hết thời gian lúc này? Điều đầu tiên mình muốn viết là - nhớ nhà. Nhớ và thương mẹ quá! Mẹ bây giờ đang làm gì nhỉ? Chắc buồn và giận mình lắm. Hãy tha lỗi cho con mẹ nhé, vì con bỏ mẹ ở nhà một mình, già yếu không ai giúp đỡ. Hôm được tin con ghi tên đi thanh niên xung phong, mẹ không nói gì, còn cố gượng cười để con yên tâm, nhưng con biết trong lòng mẹ rất buồn và có thể còn trách con không hỏi ý kiến mẹ

trước. Mẹ ơi, con hiểu lòng mẹ. Bản thân con, con cũng chẳng dễ gì khi phải xa mẹ, xa ngôi nhà tranh bé nhỏ, thân yêu của ta. Nhưng việc con ra đi là cần. Rất cần. Con tin mẹ hiểu điều đó...

Có nên cho mẹ biết sự thật về điều kiện sống và làm việc ở đây không nhỉ? Không! Chỉ làm mẹ thêm lo nghĩ. Vả lại, chắc gì mình ở lâu một chỗ? Mới tuần trước còn làm đường ở Trường Sơn, bây giờ đã ở đây, cao điểm phà sông L, cách biển chưa đầy hai chục cây số. Không hiểu nay mai còn đi những đâu nữa.

Nhớ cái Hòa và bọn bạn cùng đơn vị. Không được đi với mình lần này, chắc nó buồn lắm. Hai đứa cùng làng, cùng đi một ngày, cùng ở với nhau chừng ấy thời gian, thế mà... Biết làm thế nào được. Cả đội xung phong, người ta chỉ lấy năm. Năm người để dẫn đường cho ô-tô qua sông ở bến phà này, thay cho cả tổ, cũng nữ và đều là thanh niên xung phong, vừa hy sinh ba ngày trước đó. Những người được chọn là Vân, Yến, Lộc, mình và Út. Mỗi đứa một tính, một kiểu người, nhưng cùng còn trẻ và chưa chồng, chưa cả người yêu, trừ cái Yến, già nhất, hai mươi hai tuổi, nghe nói đã có "chàng" nào đấy. Cũng nghe nói thôi, chứ chưa bao giờ thấy cô nàng nhận thư hoặc nói chuyện về anh ấy. Nó kín lắm. Lại nghiêm khắc nữa. Tổ trưởng mà! Từ này đến giờ đã hai lần nhắc mình ngủ, đêm còn đi làm. Cả cái Út nữa (nó cũng là em Út của tổ), nó đã mấy lần cầu mình, bắt nằm xuống để ôm nó cho ấm. Cứ như con nít...

21 tháng 11

Ngày cũng như đêm, không lúc nào ngớt tiếng máy bay. Thịnh thoảng lại còn pháo từ biển câu lên.

Tổ mình làm ở phía Bắc bến phà. Cả năm đứa đứng rải trên một đoạn đường dài, từ mặt nước tính lùi lại, mỗi đứa cách nhau hai trăm

mét. Tổ trưởng Yến phân công Út đứng trên cùng, vì nó nhỏ nhất, lại mới ra chiến trường. Tiếp đến là Vân, rồi Lộc. Chặng cuối cùng phải hai người, là mình và Yến.

Đây là một trong những trọng điểm ác liệt nhất của mạch máu giao thông Bắc Nam. Cách sông còn những mấy cây số mà mặt đường đã bị bom và rốc-két địch cày tung, ô-tô không thể tự đi một mình, nếu không có người xi-nhan. Nhiệm vụ bọn mình là đi trước, dẫn xe men theo các miệng hố bom mới được lấp sơ sài, tránh những chỗ có cấm dấu bom nổ chậm, cho tới tận mép nước. Ở đây sẽ có người xếp xe lên phà. Vì đêm không được đốt đèn, bọn mình đưa nào cũng phải mặc áo trắng để từ ca-bin, lái xe thấy mà đi theo. Những lúc có máy bay - ấy là nói khi chúng thả pháo sáng hoặc lao xuống bắn phá, chứ bay ngang hay vùn lượn thì kệ - ai ở trên, có thể chạy lánh xa khu vực bến phà, còn người phía dưới thì ở nguyên tại chỗ, trú trong các hầm cá nhân được đào sẵn bên cạnh. Có lúc chúng bắn mặc chúng, phà cứ chạy, ô-tô cứ đi, tất nhiên con người cứ tiếp tục làm việc. Càng sáng! Càng không phải dò dẫm như trước!

Ban ngày, bến phà thật yên tĩnh, nhưng chỉ là cái yên tĩnh tương đối của chiến tranh. Không tiếng phà, không tiếng ô-tô, không có gì ngoài một dải đất nhàm nhở, màu sắc lẫn lộn, lổn nhổn những xác xe bị lật hoặc bị bắn cháy chưa kịp thu dọn. Bên cạnh, giấu hết mọi sự khốc liệt của chiến tranh vào lòng, con sông vẫn không ngừng chảy, bình thản và hiền từ như nghìn năm nay. Thật khó tin rằng chỉ chốc nữa, khi mặt trời vừa lặn, là hàng đoàn ô-tô, hàng đoàn người sẽ từ đâu đó chui ra. Cả bến phà sẽ bừng tỉnh dậy, bắt đầu một "ngày" mới, một cuộc chiến đấu mới...

25 tháng 11

Hôm nay, cả hai phà cùng bị trúng bom một lúc. Gần mười chiếc xe được dẫn xuống tận sông phải đứng trơ trọi dưới ánh sáng chói rục của đèn dù, dưới làn bom và rốc-két máy bay địch.

Phòng không ta bắn rất dữ.

Tồn thất...

Mình có sợ chết không? Biết nói thế nào được nhỉ? Có. Sợ, nhất là những lúc thế này, khi suốt ngày nằm dài trong hang yên tĩnh và có quá nhiều thời gian để suy nghĩ. Ừ, có lẽ nói sợ cũng chưa thật đúng. Mình chỉ tiếc. Bây giờ mà phải chết thì tiếc lắm. Lại thương nữa.

Thương mẹ ở nhà. Thương bọn bạn phải buồn, phải gánh thêm một phần việc.

Không hiểu sau khi chết thế nào nhỉ? Không lẽ mình sẽ chẳng còn biết gì nữa? Chẳng biết cả việc một ngày nào đó chiến tranh kết thúc, mọi người sẽ tìm gặp lại nhau, sẽ đi học, làm việc, hay chỉ đơn giản sẽ được sống hòa bình? Ôi, hòa bình!... Chết chắc phải đau lắm.

Hắn thế. Không đau sao được, khi cơ thể bị xé ra từng mảnh? Người khác nghĩ thế nào về cái chết? Cái Lộc và cái Vân, cái Út hay cái Yển chẳng hạn? Chúng có sợ như mình không? Chắc có. Nhưng chúng không bao giờ để lộ điều ấy ra ngoài. Chúng vẫn lặng lẽ làm việc, các tổ thanh niên xung phong chữa đường cũng thế. Anh em lái xe, lái phà cũng thế. Mình cũng thế.

27 tháng 11.

Đọc mấy trang vừa rồi, thấy buồn cười. Toàn chuyện vắn vơ không đâu. Lúc nãy, tò mò, mình hỏi Út:

- Này Út, em có sợ chết không?

Út tư lự một lúc, rồi thay cho câu trả lời, nó hỏi lại:

- Em hỏi chị, chị phải nói thật nhé, chị Liên. Đã bao giờ có người con trai nào hôn chị chưa?

- Chưa... Sao em hỏi thế?

- Em cũng chưa. Con gái chết mà chưa được hôn kể cũng thế nào ấy, chị nhỉ? - nó nói, giọng mơ màng và hơi buồn, rồi lại rúc vào chăn, ôm mình đến nghệt thở. Con bé rõ đến lạ.

1 tháng 12

Cả bọn được một phen hú vía. Chiều qua, một thằng "Con Ma" bắt chọt phóng liên mấy quả tên lửa vào đúng cửa hang. May không ai việc gì. Lý do thật đơn giản: trước đó mấy đứa tắm xong, bao nhiêu đồ lót, đồ vệ sinh phơi tuốt cả một dây ngoài nắng. Tuy biết làm thế có thể nguy hiểm, nhưng kệ! Cứ trêu thằng Mĩ, xem hấn tòi đến mức nào. Và thằng Mĩ đã cho biết hấn tòi đến mức nào. "Cứ thấy xu-chiêng đàn bà là mò đến!", một đứa châm chọc.

Sau đó họp tổ, cái Yến cấm từ nay không được ai phơi bất cứ cái gì trắng ngoài cửa hang, thậm chí cả khăn mù- xoa. Nhưng ác thay, trong hang luôn ẩm ướt, không có gió, phơi bao nhiêu vẫn không khô. Mặc vào người thật khó chịu.

5 tháng 12

Nhớ nhà quá!

Thèm bữa canh rau mồng tơi. Hay rau ngót, rau bầu cũng được. Ở đây không chợ, không vườn, cái cần và khó kiếm hơn cả là rau xanh, vì miền Trung đất cát, quanh năm nắng nóng. Khắp nơi đất bị cày tung, có hôm đi suốt buổi chỉ nhặt được nhúm rau má già hoặc rau sam chua loét. Da cứ sùi lên như bị bệnh hủi...

6 tháng 12.

Cái Lộc có thư. Nét chữ trên phong bì nắn nót, lại không ghi tên

người gửi. Cả bọn đoán chắc thư người yêu nên hồi lâu bắt nó phải khai thật hết mọi chuyện mới cho nhận. Cái Lộc nói ngay là chẳng có gì để khai, bảo cứ bóc tại chỗ, đọc to mọi người cùng nghe. Thì ra đó là thư một người bà con xa ở Hà Nội, nội dung khô khan và chỉ với những lời thăm hỏi bình thường. Không hiểu sao nghe xong, đứa nào cũng có vẻ như bị hẫng và hơi buồn, vì cứ tưởng và muốn đó là một bức thư loại khác, thư tình với những lời âu yếm dè dặt và kín đáo, dù những lời ấy không dành cho mình.

Một lát sau, nằm trong chăn, lại cái Út cấu vào tay:

- Chị Liên này, chị có người yêu chưa?
- Chị cũng không biết. Có lẽ chưa.
- Sao lại có lẽ? Có hay không thì chị phải biết chứ?
- Chuyện không đơn giản như thế... Mà thôi, Út ngủ đi.

Nhưng cái Út không chịu thôi. Tính nó thế, muốn biết cái gì là phải gạn hỏi bằng được.

- Anh ấy là ai? Ở đâu?

Mình buộc phải trả lời nó:

- Xa lắm. Anh ấy đang học ở nước ngoài. Nhưng từ ngày xa nhau, chị chưa bao giờ nhận được thư anh ấy. Còn chị thì không biết địa chỉ, mà có biết, cũng không gửi. Chị và anh ấy cùng làng.
- Thế anh ấy có yêu chị không?
- Chị không biết. Chắc anh ấy quên chị rồi.
- Còn chị.
- Đừng hỏi nữa. Út ngủ đi! Mà rồi giữa anh ấy và chị chưa có gì đặc biệt. Chỉ thế thôi.

Cái Út nằm im một lúc rồi bỗng nói, giọng hờn dỗi:

- Em là em chúa ghét những anh đi nước ngoài. Cứ tưởng như mình

ghê lắm, mặt vênh lên, nhìn người khác bằng nửa con mắt...

- Ấy, em đừng nói thế. Không phải ai cũng như em nghĩ đâu.

Cái Út không nói gì thêm, nhưng chắc còn lâu nó mới ngủ được. Nó trong trắng, vô tư quá. Hôm nọ nó nói gì nhỉ? Ừ, "Con gái chết mà chưa được hôn kể cũng thế nào ấy..." Ngộ thật.

- Cái này mãi gần hai năm sau khi nó hy sinh tôi mới nhận được. - Bà Nghĩa vừa nói, vừa hát đầu chỉ cuốn nhật ký tôi đang đọc dở. - Cùng ít quần áo và tư trang của nó. Tôi nhờ thằng lớn nhà Cả Chung bên cạnh đọc cho nghe. Tôi nghiệp con bé. Tôi chỉ có mình nó. Nhiều khi nghĩ mà đứt ruột. Cậu xem, tôi già yếu thế này, vậy mà trời bắt phải sống lâu hơn con, sống để nghe những lời kia của nó...

Rồi bà thở dài, cúi xuống sàng nốt mẻ gạo mới giã.

Nhà bà Nghĩa và nhà tôi cùng chung một xóm, chỉ cách nhau mấy ngõ. Chồng chết sớm, bà chưa quá năm mươi mà trông như cụ già. Năm nay tôi dành trọn cả mười ngày phép về thăm quê. Theo lời khuyên của mẹ tôi, tôi đi một vòng gọi là "thăm xã giao" các nhà trong xóm, một việc những lần trước, phần vì bận, phần vì ngại ngại, tôi vẫn chưa làm được. Tôi đến nhà bà Nghĩa, và bà đã cho xem cuốn nhật ký của Liên, con gái bà, để lại.

Bà Nghĩa có đoán ra tôi là "anh ấy" mà Liên đã nhắc trong nhật ký không? Có thể lắm. Vì vậy bà cho tôi xem để trách khéo việc tôi để con gái bà đau khổ chẳng? Cũng có thể bà không biết gì. Xưa nay bà là người tốt bụng, chất phác, không quen suy xét sâu sắc kiểu ấy. Và lại, trong xóm, tôi không là người duy nhất đi học nước ngoài những năm chiến tranh.

Còn tôi, tôi và Liên thì thế nào?

Không ngờ Liên tình cảm và sâu sắc đến thế. Bây giờ nghĩ lại, tôi

thấy lúc đó quả tôi là một cậu bé ngờ nghệch, vô tư đến tàn nhẫn. Chúng tôi là bạn thân, học cùng trường, tôi hơn một lớp. Trường xa, cùng đi, cùng về mà nào có bao giờ nói chuyện với nhau, hoặc giả có nói, cũng chỉ toàn chuyện bông đùa, trêu chọc, như phần lớn những đứa khác vào tuổi ấy. Tất nhiên, tôi không thể không nhận thấy Liên là một cô bé (trong ký ức tôi, bao giờ Liên cũng là cô bé) tốt, lại xinh. Nhưng lúc ấy, về tâm, sinh lý, tôi chưa phát triển đến tình cảm yêu đương, và tất nhiên không biết có thể Liên đã chú ý, hay thậm chí còn thầm yêu tôi.

Đêm trước hôm tôi đi, cùng một số bạn gái khác, Liên đến chia tay, uống nước chè xanh, ăn kẹo lạc và hát những bài ca cách mạng. Suốt buổi Liên im lặng. Rồi tình cờ hai đứa ngồi cạnh nhau. Lại im lặng. Có thể lúc ấy tôi lờ mờ đoán được tình cảm Liên với tôi, nhưng Liên không dám nói. Còn tôi, không hiểu tôi có nói điều gì không, để Liên hiểu theo cách mình và hy vọng, dù không đâu, mong manh, nhưng vẫn cứ là hy vọng?

Tôi xa nhà bảy năm. Có thể nói suốt thời gian ấy tôi quên hẳn Liên, không hỏi thăm hoặc viết cho Liên một bức thư nào. Khi Liên hy sinh, tôi được bố mẹ báo cho biết. Tôi buồn và thương Liên, hẳn thế, nhưng vẫn là cái buồn thương chung chung như khi nghe tin ai đấy trong xóm từ chiến trường không trở lại. Có lẽ tôi sẽ còn tiếp tục nghĩ như thế về Liên, nếu như hôm nay vô tình không được đọc cuốn nhật ký này.

Bà Nghĩa đã bỏ ra sân thái rau cho lợn. Tôi ngồi lại một mình bên chiếc bàn học của Liên ngày nào, xúc động lật tiếp những trang chữ li ti, đã ngả màu cùng năm tháng...

10 tháng 12.

Mỗi đũa được phát hai mét vải trắng. Pôpolin pha ni-lông hần hỏi. Để may áo thay những chiếc đã ố màu, lái xe kêu họ cứ lẩn vào màu trắng của đất.

Cả hang sôi nổi hẳn lên. Đi làm về, vừa chớp mắt một chốc đã vùng dậy, đũa nào cũng hí hoáy may may cắt cắt.

Bỗng cái Vân ngừng tay, ngồi thừ một lúc, rồi nói:

- Kể cũng buồn cười thật đấy, chúng mày ạ. Bọn mình thì tỉ mẩn may móc từng mũi nhỏ, nhớ một tý đã xuýt xoa, như thể may áo cưới không bằng, lại còn kiêu này, kiêu nọ nữa. Nhưng thử hỏi để làm gì? Ban ngày không dám mặc, mà cũng chẳng biết mặc cho ai, còn đêm, đêm thì thế nào chẳng được! Tớ ấy à, tớ thì muốn cứ để cả tấm mà khoác. Càng rõ! Càng khỏe! Còn hơn phải vất vả thế này để làm duyên... làm duyên với những chiếc ô-tô mù!

Mắt cái Vân ươn ướt như muốn khóc. Nó nói là nói thế thôi, chứ cả tổ, nó vẫn là đũa ưa diện nhất, kỹ tính nhất trong chuyện ăn mặc, chắc chắn lần này áo của nó cũng được may cẩn thận và đẹp nhất.

- Cánh lái xe là chúa tể đấy nhé. - Một chốc sau Lộc lên tiếng, có lẽ để xua đi sự im lặng bất tiện. - Một hôm có chàng bảo mình thế này, chúng mày nghe có được không? "Này, đồng chí áo trắng ơi, đồng chí có xinh không đấy?". "Không đến mức khó coi như anh tưởng", mình đáp. "Vì sao anh hỏi thế?". "Là vì cái xe của tôi ấy mà, không hiểu sao từ khi gặp cô, nó không chịu nghe theo tay lái của tôi nữa. Cô đi, nó đi, cô đứng, nó đứng. Tự nó quyết định. Còn tôi, tôi chỉ ngồi khoanh tay mà nghĩ rằng chắc cô phải xinh lắm nên mới thôi miên được nó như vậy. Tôi lo chốc nữa nó sẽ tự theo về lán của cô mất. Tôi không có lỗi đâu nhé! À mà lán các cô ở đâu đấy nhỉ?" Mình cũng không vừa, mình nói: "Nhà em ở kia, ở phía cái hang kia kìa. Hôm

nào từ chiến trường quay ra, cứ để cái xe khó bảo của anh rẽ vào, chồng em sẽ cho nó một trận!..."

- Giỏi lắm! Rồi anh chàng đáp sao? - một đứa hỏi.

- Anh chàng im, nhưng chắc hiểu mình đùa. Anh ta thấy màu trắng áo mình. Còn mình thì chẳng thấy gì. Chỉ nghe giọng nói. Ấy thế mà buồn cười lắm, chúng mày ạ. Xe đi rồi mà không hiểu sao mình cứ thấy băng khuôn thể nào ấy... - Cái Lộc ngồi im một lúc rồi đột ngột hỏi: - Chúng mày có nghĩ một ngày nào đó anh ta sẽ vào đây không? 12 tháng 12.

Ngày đầu tiên cả năm đứa diện áo mới đi làm. Mỗi đứa mỗi kiểu, vuốt, gấp cẩn thận rồi đặt dưới lưng nằm suốt đêm cho thật phẳng, thành nếp hằn hoi như được là kỹ. Ngay từ chiều, đứa nào cũng mặc áo mới, soi gương ngắm nghía, rồi cởi ra, rồi lại mặc vào, đổi áo, ướm thử áo nhau mãi. Khi không còn việc gì nữa để làm, cả bọn cứ mặc áo mới ngồi chờ đêm xuống để ra khỏi hang, bồn chồn và sung sướng như chờ cái gì đấy thật hệ trọng.

Không biết hôm nay các chàng lái xe có nhận thấy sự kiện mới lạ này không?

15 tháng 12.

Mấy ngày nay thằng Mĩ hoạt động đặc biệt ác liệt. Nó quyết phá. Ta quyết giữ. Máy bay bay suốt đêm. Pháo từ biển câu vào không còn theo giờ như trước. Nhưng dòng xe không vì thế mà bị dừng lại. Bến phà phải đổi chỗ nhiều lần. Kể ra, gọi là chỗ vượt sông thì đúng hơn. Nhiều chỗ vượt sông như thế. Có cả chỗ để nghi binh. Thiếu người, tổ phải chia ra làm việc ở ba nơi.

Nhớ nhà quá. Nhớ mẹ quá.

Anh ấy có lúc nào nghĩ về mình không nhỉ?

16 tháng 12.

Út hy sinh! Ba giờ sáng hôm nay. Nó làm một chỗ với Vân. Một thằng lao xuống phóng rốc-két, như hàng trăm thằng trước đây từng lao xuống phóng rốc-két. Tiếng nổ bình thường, trận đánh phá cũng bình thường, nghĩa là tất cả giống mọi ngày, thế mà sau đó Út không còn nữa. Một mảnh đạn cắm đúng tim nó. Một mảnh khác cắt đứt phần trên vú trái. Một tiếng sau khi nó chết, mình mới biết. Biết mà chẳng đến được, vì còn phải làm việc. Khi gặp Út thì trời đã sáng. Yến đã lau sạch máu và bụi bẩn trên người nó. Một đứa nào đó trong tổ cởi chiếc áo trắng mới còn nguyên lành của mình mặc cho Út. Khuôn mặt Út thật thanh thản. Đôi mắt vuốt mãi không chịu nhắm, như đang mơ màng nhìn một điểm nào đấy trước mặt. Nó chỉ ngạc nhiên, hơi buồn vì phải chết sớm và vô lý như vậy. Một bên miệng của nó hơi nhếch, thơ ngây, bền lén như hôm nào nó hỏi: "Con gái chết mà chưa được hôn, kể cũng buồn, chị Liên nhỉ?".

Mình cúi xuống, lặng lẽ hôn lên đôi môi của Út.

17 tháng 12.

Hôm nay đi làm về, thương Út, cả bốn đứa ngồi ôm nhau khóc.

20 tháng 12.

Vẫn ác liệt như trước. Xe vẫn thông.

24 tháng 12.

Thế là đã ở bến phà N.V. này hơn một tháng. Một tháng cộng với hai năm nay đây mai đó theo các con đường của khu Bốn khói lửa. Chỉ mấy ngày nữa là năm mới. Năm mới... mọi người sẽ già thêm một tuổi. Mình cũng thế.

Liệu mình phải già thêm bao nhiêu tuổi nữa trước khi chiến tranh kết thúc? Còn Út thì vĩnh viễn ở lại với cái tuổi mà bây giờ nó có, chiến

tranh hay không chiến tranh cũng thế. Vĩnh viễn yên nghỉ với cảm giác thanh thản của một người đã cống hiến cho người khác cái quý nhất mình có. Đúng, thanh thản, nếu không kể nỗi sợ rất con gái kia mà nó vẫn cảm thấy đâu đó sâu trong lòng cho tới khi xuống mộ. Tội nghiệp con bé...

27 tháng 12.

Xe vào nhiều quá, có lẽ sắp đánh lớn. Ban ngày ít được ngủ hơn, vì thường đi chữa đường giúp các đội thanh niên xung phong.

Hàng ngày bốn đứa vẫn mặc áo từ chiều, những chiếc áo được may đẹp, gấp vuốt phẳng phiu, ngấm ngấm, sửa sang cho nhau để tới đến, như cái Lộc một lần chua xót nói, "làm duyên với những chiếc xe mù". Kể cũng buồn cười, biết người khác không thấy mặt mình và mình không thấy người khác, chỉ những cuộc gặp gỡ thoáng qua mấy phút, lại trong hoàn cảnh ác liệt như hiện nay, thế mà cả tổ trước khi đi đưa nào cũng chăm chú vẽ ngoài như sắp làm dâu không bằng. Một bản năng rất con gái, có lẽ cũng chỉ con gái mới hiểu nổi. Chao, ước gì hoà bình! Ước gì được mặc những chiếc áo trắng này tự do đi lại giữa ban ngày...

28 tháng 12.

Hôm nay Yến hy sinh!...

Còn lại ba người: Vân, Lộc và mình. Mình được cử làm tổ trưởng. Yến ơi, thương mày quá! Mày là đứa duy nhất có người yêu chờ đợi, thế mà mày hy sinh... Mày quá kín đáo, mày chẳng cho chúng tao biết người yêu của mày là ai, ở đâu, để chúng tao báo cho anh ấy biết mày là người thế nào.

31 tháng 12.

Hầu như đêm nào cũng có xe đổ và người chết. Mỗi lần ra phà, đâu

đó sâu trong tim, một ý nghĩ nhỏ thôi, nhanh thôi, nhưng sắc như mũi dao lại nhói lên - ý nghĩ rằng hôm nay sẽ đến lượt ai đây? - mình, cái Vân, cái Lộc, hay thậm chí cả ba?

Trước khi bước ra khỏi hang, ba đưa nhìn nhau im lặng, nhưng rất hiểu...

Xe vẫn thông...

Nhật ký của Liên ghi đến đây thì dừng. Bất giác tôi ngược lên nhìn tấm bằng liệt sĩ lồng kính treo trang nghiêm trên tường. Thì ra Liên hy sinh đúng vào ngày 31 tháng 12 năm 197..., ngày cuối cùng ghi trong nhật ký. Cũng là ngày cuối cùng trong năm. Tôi nhắm tính - Liên đã không gắng sống thêm được mấy giờ nữa để bước sang năm thứ hai mươi đẹp đẽ của đời mình.

Từ trên tường, qua lớp kính phủ nhẹ một màng bụi mỏng, một cô bé tóc tết đuôi sam, khuôn mặt còn trẻ con với đôi mắt thơ ngây mở to đang nhìn tôi. Đó là Liên. Chắc đây là bức ảnh duy nhất của con gái bà Nghĩa còn giữ được, chụp vào dịp Liên tốt nghiệp lớp mười. Tôi không dám nhìn thẳng vào đôi mắt ấy; không dám nhìn cả vào đôi môi đang hé mở, đôi môi chưa một lần trong đời được biết cảm giác của cái hôn âu yếm.

Tôi lặng lẽ trả lại cuốn nhật ký cho bà Nghĩa, lơ đãng trao đổi thêm ít câu rồi ra về.

Sáng hôm sau, trước sự ngạc nhiên của mọi người, tôi thu gói đồ đạc ra đi, nhưng không phải đi Hà Nội, mà ngược lại, vào Vinh mua vé ô-tô đi Quảng Bình, tới bến phà N.V. mà Liên nói đến trong nhật ký.

Ở trụ sở Ủy ban xã S. nơi có bến phà N.V. ngày nọ, sau khi nghe tôi tự giới thiệu và nói rõ mục đích chuyến đi của mình, người ta chỉ cho

tôi đến gặp ông Nam, Phó chủ tịch xã.

Ông Nam là người vui tính và cởi mở. Ông nhìn qua một lượt suốt người tôi và hỏi:

- Anh là bà con cô Liên à? - Nhưng không chờ tôi trả lời, ông nói luôn: - Chính tôi là người tìm thấy và đọc cuốn nhật ký đó. Tôi nghiệp các cô gái. Hồi ấy tôi là Trung đội trưởng dân quân xã. Tôi được lệnh điều các cô dân quân của tôi dẫn xe ở đoạn trên, còn ba cô thanh xung phong thì làm ngay sát bến phà. Vào cái đêm cuối năm đáng nhớ ấy, hình như độ mười giờ thì phải, bất ngờ một chiếc "Thần Sấm" từ đâu lao đến ném một loạt bom, không lượn vòng nào, cũng chẳng thềm bắn pháo sáng, thế mà trúng phà, trúng luôn cả ba cô gái. Anh xem thế có đau không ... - Ông Nam dừng lại, ngồi im một chốc như cố nhớ điều gì, rồi nói tiếp, giọng trầm hẳn xuống: - Thậm chí đêm ấy, bận việc thông xe, chúng tôi chẳng kịp nhật hết các mẫu xác bị bom chặt đứt vung vãi khắp nơi. Mãi chiều hôm sau mới tìm được hết, xác định cái gì là của ai rồi làm lễ chôn cất. Sau này, chiến tranh kết thúc, khi người ta định đưa các cô - cả năm cô - vào nghĩa trang liệt sĩ xã, tôi đem chuyện nhật ký cô Liên ra kể, và đề nghị xây riêng mộ cho các cô ở cạnh bến phà cũ. Ý kiến của tôi được chấp nhận. Bây giờ ta ra đây chứ?

Nói rồi, ông Phó chủ tịch xã hăm hở đi trước, tắt qua một cánh đồng lúa vừa trở bông thoang thoang hương thơm, về phía dòng sông L. đang trải rộng, trắng lóa dưới ánh mặt trời tháng Tư. Tôi lặng lẽ bước theo, với cảm giác hồi hộp như sắp được chứng kiến một cái gì đấy linh thiêng và vĩ đại.

Trên đỉnh một ngọn đồi xanh vượn sâu tận mép sông, người ta xây mộ năm cô gái thanh niên xung phong thành năm cánh của một bông

hoa, đầu chụm vào nhau. Một bông hoa màu trắng - (vì mộ đều được quét vôi trắng). Các bia đứng hầu như kề nhau, tạo thành một hình tròn có trồng những bông hồng và cúc lẫn lộn, tức là làm nhĩ của bông hoa xi măng trắng vĩ đại. Trên những tấm bia ấy tôi đọc thấy tên cô Yến tổ trưởng nghiêm khắc; tên cô Vân ưa diện; tên cô Lộc mơ hồ chờ đợi một chàng lái xe mà cô chỉ mới trò chuyện một lần nhưng không thấy mặt; tên cô Út bé nhất tổ chỉ sợ duy nhất một điều là chết mà chưa được hôn. Và tất nhiên tôi thấy cả tên của Liên, cô hàng xóm, cô bạn cùng trường của tôi, người con gái đưa tôi vượt hàng trăm cây số đến đây, và quan trọng hơn là đã giúp tôi tự nhìn nhận lại mình, tự đánh giá nghiêm khắc những gì tôi đã, đang và sẽ làm trong đời.

- Nghĩ mà thương các cô gái, - vừa bật lửa châm hương, ông Nam vừa khe khẽ nói. - Đang tuổi ăn diện mà đến cái áo trắng cũng không được mặc ban ngày. Còn bây giờ thì...- ông ngập ngừng chốc lát rồi quay sang bảo tôi: - Những ngôi mộ này, anh ạ, cứ đều đặn nửa năm một lần tôi cho quét vôi mới...

Ông Nam còn nói thêm điều gì nữa nhưng tôi không nghe rõ, vì lúc ấy tôi đã bỏ đi xa, tìm nhặt những bông hoa bướm, hoa mua mọc nhiều quanh đấy. Một chốc sau, tôi quay lại với một bó lớn trong tay. Tôi chia đều thành năm phần, nhẹ nhàng đặt lên năm cánh trắng của bông hoa xi măng. Rồi vô tình như hẹn trước, cả tôi và ông Nam cùng cúi đầu đứng lặng mấy giây.

- Liên ơi, hãy tha lỗi cho tôi Liên nhé!

Sáng hôm sau, tôi lên đường ra Hà Nội. Từ ô-tô, tôi thò đầu qua cửa sổ, ngoái nhìn mãi những ngôi mộ màu trắng được xếp thành hình một bông hoa trên ngọn đồi xanh, trông xa như chiếc nơ trên đầu

một cô gái. Suốt đường đi, những ý nghĩ đượm buồn cứ quanh quẩn trong đầu tôi, ý nghĩ rằng ngày xưa đã từng một thời có nhiều cô gái chỉ thèm được một lần mặc áo trắng tự do đi lại giữa ban ngày, ấy thế mà các cô chỉ được mặc vào ban đêm để làm nhiệm vụ, để "làm duyên với những chiếc xe mù". Và rồi các cô hy sinh, lặng lẽ mang theo xuống đất cùng tuổi trẻ là cái ước mơ tưởng vô cùng đơn giản ấy, cũng như các cô đã lặng lẽ lập những chiến công, lặng lẽ yêu, lặng lẽ ra đi để một ngày nọ, như trong câu chuyện cổ tích, lặng lẽ biến thành những cánh hoa màu trắng, cái màu trắng phải đổi bằng màu của máu...

Thái Bá Tân

Sapa mây phủ

Họ đến Sapa lúc trời gần tối. Mặt trời thàng ba khuất sau núi, ánh lên một vàng sáng màu da cam lạnh và buồn. Cả không khí cũng đượm buồn, cái buồn vắng người và vùng núi quá ư yên tĩnh. Từ ô tô nhìn xuống, một vài ngôi nhà mới xây mái đỏ tường trắng trông lạc lõng giữa một màu xanh thẫm sẫm hơi sương.

Ngồi sau tay lái là một người đàn ông đứng tuổi, đeo kính trắng mắt dày chứng tỏ ông cận nặng, nét mặt hiền hậu tuy khắc khổ. Vợ ông, một người phụ nữ bé nhỏ còn giữ được vẻ đẹp thanh thoát thời trẻ,

ngồi phía sau, lơ đãng nhìn ra ngoài. Cả hai đều có vẻ giàu có, đáng kính, thể hiện qua cách ăn mặc, điệu bộ, và cả chiếc Ford Mondeo màu đen bóng, loại ô tô Mỹ nổi tiếng mới thấy xuất hiện ở Hà Nội.

“Tôi không hiểu ông lên đây làm gì. Trời lạnh thế này” .

Bà nói khi hôm sau hai người ngồi ăn sáng ở khách sạn sang nhất của thị trấn trên một ngọn đồi. Mà quả rét thật. Bà ngồi co ro, quàng lên người chiếc khăn len to màu xanh. Như thường lệ khi ngủ dậy, bà trang điểm chút ít, đúng kiểu người ta quen ăn diện nhưng ý tứ. Ông lặng yên cầm chai rượu vang rót vào hai chiếc li chân cao, một lúc sau mới đáp:

“Có lẽ bà nói đúng, nhưng tôi không muốn đi nơi khác. Vả lại ở đây có chút kỉ niệm...” .

“Kỉ niệm? Sao ông không bao giờ kể cho tôi nghe?”

“Tại tôi nghĩ bà không cần biết, không muốn biết. Chuyện ấy xưa mà”.

“Hôm nay tôi thấy ông như buồn buồn điều gì. Chắc vì cái kỉ niệm ấy?”

Ông không đáp, lại rót rượu cho mình.

“Một thiên tình sử lãng mạn? Một thôn nữ xinh đẹp và hoang dã?” Bà khẽ cười, pha chút châm biếm.

“Ừ, không hoàn toàn nhưng đúng thế. Một cô gái người Thái, rất xinh, nồng cháy và pha chút hoang dã như bà nói”.

“Sao ông không lấy cô ta làm vợ?”

“Vì tôi biết sẽ gặp bà, lấy bà”.

“Cảm ơn. Ông kể nghiêm túc cho tôi nghe với nào”. Khi thấy chồng cứ mân mê li rượu, bà nói thêm: “Hay đấy, tự mình khơi chuyện rồi lại im lặng không chịu nói gì nữa!”

“Thực ra chẳng có nhiều để nói. Vì chúng tôi quen nhau được ba tháng thì cô ấy chết, thời gian yêu nhau còn ít hơn”.

“Chết?” Bà định hỏi vì sao nhưng lại thôi.

Ông cũng chẳng nói gì thêm.

Mặt trời đã nhô lên quá hàng cây trước khách sạn, vất vả lắm mới chui ra khỏi đám mây dày đặc. Gió se se thổi. Xa xa phía dưới, những mảng sương mù mỏng trắng đục như đứng yên một chỗ, nhưng ông biết chúng đang trôi chậm chậm vì có gió. Còn ở đây thì không có sương mù, chỉ ẩm ướt, trên lá cây lấm tấm những giọt nước nhỏ. Không khí trong lành, thoang thoảng mùi gì đó ông không tìm được tên gọi.

“Tôi định tới đó”. Ông lại lên tiếng khi cô hầu bàn mặc áo dài màu hồng vừa bê bát đĩa đi, chỉ trừ chai rượu và hai chiếc cốc. “Bà có đi với tôi không?”.

“Tới đó là tới đâu?”

“Bản Vẹo. Ngày xưa tôi được phân về dạy học ở đó, nơi tôi đã gặp và yêu cô ấy... Cách đây chỉ mười cây số, nhưng đường xấu”.

“Không, ông đi đi. Hôm nay tôi mệt”. Bà nói rồi đứng dậy bỏ lên phòng. Đã qua cái thời có thể ghen tuông, vả lại thực ra chẳng có gì để ghen, nhưng bà vẫn thấy ám ức vô cớ. Bà sống với ông gần ba mươi năm nay, có thể nói là yên ấm, hạnh phúc. Ông là người chồng tốt, chu đáo với vợ con, nhưng với nhạy cảm của người đàn bà tinh tế, bà biết hình như suốt chừng ấy năm vẫn có cái gì đấy, ai đấy đứng xen giữa vợ chồng họ. Bà nhiều lần cố đoán mà không đoán ra. Bây giờ bà biết người ấy là ai. Dẫu không nhỏ nhen cố chấp, bà vẫn không tìm được thái độ hờn dỗi của mình. Ông biết. Bản thân ông cũng không thực sự muốn vợ đi cùng. Chỉ lờ mờ thấy như mình

có lỗi.

*

* *

Đó là một ngày mưa tầm tã vào tháng chín năm 1967, khi tốt nghiệp xong Đại học sư phạm anh được phân về vùng này. Vì lí do sức khoẻ, cụ thể là mắt cận ba đi-ốp người ta không gọi anh nhập ngũ như nhiều bạn cùng lớp. Ra đi từ sáng sớm với chiếc ba lô con cóc tòng teng trên lưng, mãi gần tối mới đến được nơi cần đến, trường cấp ba Cẩm Yên, nhưng anh chẳng thấy ai trong mấy ngôi nhà nửa tuềnh toàng ở đấy, đành hỏi thăm nhà ông chủ tịch xã định xin ngủ qua đêm rồi hẵng hay. Lại phải đợi mưa dầm bùn thêm ba cây số nữa để đến nhà ông chủ tịch. Hoá ra ông này đã được báo trước anh sẽ đến, và được giao nhiệm vụ tìm cho anh một nhà dân để trọ vì trường không có nhà riêng cho giáo viên. “Tìm nơi nào kha khá một chút. Tay này Hà Nội gốc, có thể khó tính đấy!” Bản Vẹo của ông sống quy tụ, người Kinh nhiều hơn người Thượng, do trước đây có nông trường chè gần đấy, nay đã giải thể. Ông người Thái, vợ ông vốn là một trong những cô gái từ dưới xuôi lên của cái nông trường ấy. Cả buổi chiều trước đó ông đau đầu không biết phải bố trí “anh chàng Hà Nội khó tính” này ở đâu. Trong bản nhà nào cũng nghèo. Cuối cùng ông quyết định cho anh ta sống trong nhà ông, một gia đình tự ông đánh giá có văn hoá nhất và khá nhất trong cả xã. Ngôi nhà “nhất xã” ấy có tường xây, trát vữa một mặt phía trong, mái ngói hắt hoi dù đôi chỗ dột, đuồn đuồn bốn gian nhỏ như nhà tập thể. Anh được ở gian trống cuối, có chiếc cửa sổ không cánh, che bằng vải nhựa nhìn ra bãi sắn. Xa hơn tí nữa là chiếc hồ nhỏ bình thường nhưng với anh rất thơ mộng. Nhà ít người so với dân trong

vùng, ngoài ông chủ tịch xã có vợ ông, một người đàn bà quê Hưng Yên, hơn bốn mươi tuổi, ít nói, có vẻ một thời xinh đẹp nhưng bây giờ gầy đét, da xám như người bị sốt rét lâu ngày. Anh thấy hai đứa trẻ, một cậu bé khoảng mười ba và đứa con gái thò lò mũi xanh.

Thấy nói còn đứa nữa, đã lớn, lúc anh đến không có nhà.

Anh tắm giặt, thay quần áo xong và đang ngồi uống nước, nói chuyện với ông bà chủ tịch thì có người bước vào nhà. Bên ngoài trời vẫn mưa nặng hạt. Lúc ấy đã tối hẳn và căn nhà được chiếu sáng bằng chiếc đèn bão to như quả dưa bở, bóng ám muội do lâu ngày không lau. Trong góc phòng ấy treo chiếc đèn măng-xông chắc chỉ dành cho những dịp long trọng phục vụ nhiều người.

“Cái Bình, con gái tôi đấy!”. Ông chủ nhà nói. Có vợ người Kinh, mấy năm đi bộ đội, anh làm chủ tịch xã xuống huyện hội họp thường xuyên nên ông đã bị “xuôi hoá” từ lâu, dễ nhận thấy qua cách cư xử, nói năng và cách đặt tên con con. “Năm nay xong lớp mười, tốt nghiệp phổ thông còn chưa biết làm gì, đi đâu đây”. Rồi ông quay sang con gái: “Đây là thầy Thọ mới từ Hà Nội lên. Sẽ dạy trường con đây”.

Cô gái lúng búng “chào thầy”, quay sang nhìn anh, rung mình hất mái tóc dài về phía sau rồi đi xuống bếp.

Dưới ánh đèn dầu tù mù anh kịp nhận thấy một khuôn mặt tuyệt đẹp, đẹp đến mức khiến anh sững sờ chốc lát. Nó khác hẳn vẻ đẹp thường thấy ở các cô gái đẹp thủ đô. Có cái gì đó mới mẻ, tinh khiết, bí ẩn, thậm chí hoang dã. Khuôn mặt xinh đẹp ấy đang ướt sũng nước mưa (không hiểu sao cô đi đâu về không mũ nón gì cả), quần áo mỏng dính chặt cơ thể con gái mới lớn với những đường nét thật mềm mại và gợi cảm.

Đêm ấy và nhiều hôm sau anh còn bị ám ảnh mãi bởi cuộc gặp bất ngờ này. Anh giật mình lo lắng khi phải tự thú rằng hình như anh đã yêu cô, yêu ngay từ cái nhìn đầu tiên như người ta vẫn nói. Anh nghĩ có lẽ do tính anh dễ xúc động, do bị choáng chút ít về đi đường mệt và thời tiết, rồi mọi việc đâu sẽ vào đấy. Nhưng anh nhầm...

Trường cấp ba Cẩm Yên chỉ vẹn vẹn một lớp mười, hai lớp chín và ba lớp tám. Anh được phân dạy sử, kiêm luôn cả môn địa lớp tám và lớp chín. Thời ấy không chỉ học sinh mà thầy cũng thiếu. Việc giảng dạy chẳng mấy vất vả. Chỉ buồn, cái buồn miền núi suốt ngày chẳng có gì làm, chẳng đi đâu, chẳng biết nói chuyện với ai. Hơn thế, trời hay mưa, không mưa thì sương mù phủ dày đặc, da thịt luôn ẩm ướt như đổ mồ hôi mùa hè, không khí có mùi gì như mùi mốc, lắm lúc buồn nôn. Rất ít ngày trời đẹp. May anh mang theo mấy cuốn tiểu thuyết, chủ đề tiểu thuyết cổ điển Nga trong đó có cuốn Tội ác và Trừng phạt của Đôxtôievski, đọc nhiều lần đến mức bị ám ảnh muốn tự mình phạm một tội ác nào đó. Có cả cuốn Axia của Tuốcghênhép mà anh thấy Bình, cô con gái ông chủ tịch xã, na ná giống một nữ nhân vật trong đó.

Anh và Bình ít gặp nhau, ngoài một ngày hai bữa ăn trưa và tối. Ít khi có ăn sáng. Buổi sáng đi học, buổi chiều hôm nào cô cũng theo mẹ lên đồi trồng gì ngoài ấy đến tối mới về. Trong bữa ăn, từ khi có anh cô thường cúi mặt hoặc nhìn đi nơi khác. Nói chuyện thì hầu như không, ngoài những câu chào hỏi bắt buộc. Chính vì điều này khiến anh, có thể cả bố mẹ cô nữa, đoán hiểu cô không thờ ơ với anh. Đôi khi anh thấy nhìn trộm mình, và lần nào ngẫu nhiên gặp nhau má cô cũng đỏ bừng. Còn anh thì bây giờ, được quan sát kĩ hơn, bình tĩnh hơn, anh càng thấy cô xinh đẹp và đặc biệt hấp dẫn. Như con thú

nhỏ vừa nhút nhát vừa có cái gì đấy mãnh liệt vụng về che giấu bên trong. Tất nhiên, anh phải cố giữ kín tình cảm thật của mình, làm như không để ý tới cô, chỉ thỉnh thoảng giúp cậu em làm bài khi cần. Cậu này học dốt nhưng thích đọc sách, có thể do vậy nên rất quý anh, vì với cậu, anh là nguồn sách vô tận. Thỉnh thoảng, theo yêu cầu của bà mẹ, anh nói nếu Bình có gì không hiểu, anh làm giúp, nhưng lần nào cô cũng lặng lẽ lắc đầu. Anh chẳng hiểu ý bà thế nào. Có thể vô tình, cũng có thể lo xa, bà nghĩ tới cuộc hôn nhân tương lai giữa con bà và anh chàng thư sinh Hà Nội đẹp trai, lại là ông giáo, cái nghề rất được coi trọng ở vùng này. Suy cho cùng, điểm mặt tất cả, bà thấy chẳng ai xứng đáng hơn. Chắc bà cũng nhận thấy tình cảm của anh đối với Bình.

Một hôm, đi đâu về, anh chợt thấy Bình chạy bỏ từ trong nhà ra, bối rối và xấu hổ. Hình như từ phòng anh. Anh vội bước vào và thấy một mẩu giấy nhỏ trên bàn xé từ cuốn vở học trò: “Tối nay em chờ anh bên hồ”.

Anh ngồi thờ trên ghế, ngạc nhiên và mừng lo lẫn lộn. Bữa ăn tối diễn ra như thường lệ. Bình không một lần nhìn anh. Ăn xong, cô bảo mẹ sang nhà bạn học bài rồi đi luôn. Vì thỉnh thoảng vẫn đi dạo vào buổi tối, nên anh có thể ra đi mà không bị ai nghi ngờ. Khốn nỗi hôm ấy cậu em cứ nằng nặc nhờ giải giúp bài toán khó, nên khi anh ra khỏi nhà đã gần chín giờ.

Đầu tháng, ánh trăng bàng bạc, mỏng và ẩm ướt. Bốn bề yên ắng, chỉ buồn buồn tiếng côn trùng đâu đó vọng lại. Anh bước nhanh qua bãi sắn về phía hồ, tim đập mạnh vì hồi hộp. Thậm chí không nghĩ tới hậu quả. Không nghĩ gì ngoài việc có người đang chờ anh bên hồ. Bình ngồi bên tảng đá lớn trên bờ. Bên cạnh có tảng đá khác nhỏ

hơn. Cô ôm gối, đầu cúi gục, im lặng và cả anh lên tiếng gọi. Anh lại gần, khẽ đặt tay lên vai cô và biết cô đang khóc. Anh ngồi xuống cạnh, hồi lâu không biết nói gì, cuối cùng nhẹ nhàng nâng đầu cô lên và hôn vào đôi mắt ướt.

“Người ta nói con gái dân tộc mãnh liệt lắm”, anh nghĩ. “Nhưng để chủ động hẹn thế này thì chắc Bình phải yêu anh ghê gớm, đấu tranh ghê gớm và cũng bắt chấp ghê gớm”.

“Anh yêu em! Yêu ngay từ cái nhìn đầu tiên như trong tiểu thuyết”. Anh nói một cách giản dị rồi cười thành tiếng, cổ lấy vẻ thật tự nhiên. Hình như tiếng cười này giúp cả hai vượt qua sự lúng túng ban đầu. Anh vòng tay ôm cô, xoay về phía mình. Người cô run run lên như bị sốt.

“Em có yêu anh không?”

Cô khẽ gật đầu, áp mặt vào ngực anh. Hai người im lặng hồi lâu.

“Cũng từ cái nhìn đầu tiên?”

“Không. Phải mấy ngày sau. Rồi em trở thành như đứa mất hồn”. Cô nói cũng thật giản dị. “Anh không nhận thấy à?”.

“Có” Anh đáp. Thực ra anh không nhận thấy gì cả. Lại càng không biết cô “mất hồn” vì anh.

“Còn em, em có biết anh yêu em không, yêu ngay từ đầu?”

“Có và em chờ. Sao anh không nói gì với em? Sao anh bắt em chờ lâu thế, cho đến lúc không chờ được nữa?”.

“Tại anh sợ. Dẫu sao cũng mới ba tháng. Anh sợ mọi người. Nhưng ngay ngày mai anh sẽ nói chuyện với bố mẹ em...”.

“Đừng. Khoan đã”. Rồi cô ngược nhìn lên, nghiêm túc hỏi: “Anh sẽ cưới em?”

“Tất nhiên!”

“Anh thề đi!”

“Không cần thề”, anh cười “Anh cũng mất hồn vì em. Không phải mấy ngày sau, mà ngay từ hôm đầu mới gặp. Tất nhiên anh sẽ lấy em. Còn em?”

“Em là con gái, không cần hỏi”.

Hai người lại im lặng, rồi anh nói, thật thà đến mức ngây ngô, nhưng không ai để ý đến sự ngây ngô ấy:

“VẬY là chúng ta yêu nhau và sẽ lấy nhau!”

“Vâng. Rồi anh sẽ đưa em về Hà Nội? Em thích được sống ở Hà Nội, ở đây buồn lắm”.

“Anh sẽ đưa em về Hà Nội. Mà thôi, ta phải về, kéo mọi người nghỉ”.

Hai đứa đứng dậy. Chỉ lúc này họ mới hôn nhau.

Trăng có vẻ mờ hơn, sương cũng nhiều hơn như muốn che họ khỏi những con mắt tò mò.

Những ngày tiếp theo, đêm nào họ cũng hẹn gặp nhau bên hồ mà không ai biết, hoặc có thể biết nhưng giả vờ không. Tuy nhiên, bây giờ khi nhà vắng người, họ vui vẻ nói chuyện với nhau, hôn nhau trong niềm hạnh phúc ngây ngất.

Một tối nọ, khi hai người vừa ra tới hồ, cô bảo anh:

“Ta xuống tắm đi!”.

Anh chưa kịp trả lời thì cô đã nhanh nhẹn cởi hết quần áo, ngay trước mặt anh mà không chút e thẹn, rồi một mình lội xuống nước.

“Con gái miền núi hồn nhiên thật!”.

Anh thầm nghĩ và mỉm cười một mình. Nhưng anh không xuống tắm, chỉ ngồi trên bờ. Lại càng không muốn tắm truồng. Không hiểu sao anh thấy ngượng, dù ý nghĩ được tắm truồng với người yêu dưới đêm trăng thật hấp dẫn. Thích nhưng vẫn ngượng, vì tính anh vốn

nhút nhát và hay cả thẹn.

Mười lăm phút sau, cô lên.

“Anh lau người cho em đi!” Cô nói rồi ôm ghì lấy anh để nước thấm hết cả quần áo.

Phải nói anh hơi thoáng chút bối rối. Tất nhiên anh hiểu cô muốn gì. Anh ôm chặt cô. Người anh cũng run lên, hừng hực. Nhưng một lúc sau anh từ từ buông cô ra:

“Em mặc quần áo vào, kẻo lạnh”.

Cô ngoan ngoãn nghe theo, rồi họ ra về trong im lặng. Ba hôm sau anh được biết cô đã viết đơn xung phong ra mặt trận, và sắp phải lên đường.

“Trời! Sao em làm thế?” Anh kêu lên, gần như hoảng hốt.

“Cả lớp viết. Người ta chỉ chọn ba đứa - Em là lớp trưởng nên được chọn”.

“Em muốn bỏ anh mà đi thật à?”

“Không, em không muốn đi. Nhưng em là lớp trưởng... Em muốn ở lại với anh!”

“Vậy sao xung phong?”

“Cả lớp xung phong...”

Cô thút thít khóc. Không biết nói gì hơn, anh ôm cô vào lòng, như sợ buông cô ra, cô sẽ biến đi mất.

“Hay anh và em cùng bỏ trốn? Vào rừng chẳng hạn. Em biết một chỗ rừng rậm lắm, không ai tìm thấy đâu!” Cuối cùng cô ngược nhìn anh giọng nghiêm túc.

Anh thấy buồn cười với cái ý nghĩ trẻ con ấy.

“Không được, phải tìm cách khác. Không có em, anh chết mất. Mà em cũng có thể chết. Chiến tranh không đùa với ai đâu...”.

“Em không sợ chết. Chỉ sợ xa anh”. Cô trầm ngâm một lúc rồi nói:

“Mà có chết cũng chẳng sao. Em sẽ chờ anh dưới ấy!”

“Em chỉ nói vớ vẩn, chết thế nào được!”

“Em nói thật mà. Nếu ra đi mà không may phải chết, em sẽ chờ anh dưới ấy. Chờ suốt đời. Em sẽ không yêu ai, không lấy ai cả! Anh không thích em làm thế sao?”

Anh không đáp, chỉ ôm chặt cô hơn và hôn tới tấp khắp mặt cô.

Một tuần sau cô lên đường. Được nửa tháng thì có tin cô chết khi đoàn xe chở cô và những cô gái như cô bị trúng bom lúc đang vượt Hàm Rồng.

*

* *

“Ông nghĩ ngợi gì thế? Ăn đi kẻo nguội”. Bà nói bên bàn ăn ngay sáng hôm sau.

“Chẳng nghĩ gì cả”, ông thờ ơ đáp. “Hôm nay Sapa nhiều mây quá”.

“Sapa thì lúc nào chẳng vậy”.

Ông lặng thinh rót đầy cốc rượu cho mình. Không hiểu đã là cốc thứ mấy. Đúng, ông đang nghĩ về Bình, mối tình đầu ngắn ngủi, đẹp dễ và đau đớn. Thực ra suốt mấy mươi năm qua lúc nào ông cũng nghĩ đến nó. Chuyện chỉ có thế. Đơn giản mà thật chua xót. Đúng như ông nói với bà: quen nhau ba tháng, yêu nhau còn ít hơn. Thế mà với ông, nó là mối tình đẹp nhất, quan trọng nhất, có lẽ còn duy nhất.

Hôm qua ông ngồi gần như suốt ngày trên tảng đá nơi cô chủ động hẹn ông đến. Ông ngồi, nhớ lại lần đầu tiên nhìn thấy cô trong cái đêm mưa gió ấy. Khuôn mặt xinh đẹp hóp hờn của cô. Đôi mắt to tròn. Bộ quần áo ướt mỏng dính bám sát cơ thể mảnh mai với những đường cong tuyệt mỹ dấu chưa phát triển hoàn toàn. Ông nhớ những

cái hôn, những trò đùa nghịch trẻ con. Nhớ cả lần hốt hoảng giật bắn người khi đang hôn nhau thì bất chợt ông bố về, may chưa kịp nhìn thấy. Tất nhiên nhớ cả đêm trắng cuối cùng bên hồ, khi cô trần truồng trong vòng tay ông, sẵn sàng hiến dâng mà ông ngu ngốc từ chối. Điều này đặc biệt làm ông day dứt. Chắc lúc ấy cô xấu hổ và giận ông lắm. Ông thấy thương cho cô và cả cho mình rằng chuyện ấy đã không xảy ra. Mà cô thì chỉ mấy ngày sau đã chết.

“Chắc hôm qua ông vào thăm gia đình cô ấy?” – Bà hỏi.

“Chẳng còn ai nữa. Sau cái chết của cô ấy hai năm, ông người Thái chết vì ung thư. Bà vợ người Kinh đưa hai con về quê cũ Hưng Yên”.

“Ông chưa kể tôi nghe vì sao cô ấy chết?”

“Chưa à? Đơn giản thôi. Xung phong ra mặt trận. Chưa đánh đám gì, cả xe chở mấy chục cô gái học sinh bị trúng bom ở Hàm Rồng. Chết hết. Đó là điều khủng khiếp nhất của chiến tranh. Bà hài lòng chưa?”.

“Ông thô lỗ quá đấy!”

“Ừ, tôi xin lỗi”.

“Mà sao ông uống nhiều vậy? Từ nãy đến giờ tôi đếm được năm cốc rồi đấy.”

“Xin lỗi, đây là cốc cuối cùng”.

“Không lẽ suốt mấy chục năm qua ông không thể nào quên được cô ấy?”

“Không”.

“Và vẫn yêu cô ấy?”

“Vẫn”.

“Tức là suốt chừng ấy năm ông sống với tôi mà luôn nghĩ đến người đàn bà khác?”

Không chờ câu trả lời, bà đột ngột đứng dậy bỏ lên phòng.

“Tôi xin lỗi bà. Không hẳn như vậy. Tôi cũng yêu bà. Nhưng đó là chuyện khác. Xin lỗi”. Ông nói khi chỉ còn lại một mình, với tay lấy chai rượu.

Buổi chiều hôm ấy họ trở về Hà Nội. Vẫn cảnh cũ Sapa mây phủ trắng. Bất chợt ông có cảm giác như đâu đó dưới những đám mây ẩm ướt kia có ai đang đứng chờ ông. Chờ đã lâu. Chờ một cách mòn mỏi và đau đớn.

“Em sẽ chờ anh ở dưới ấy”.

Cô Bình ngày xưa của ông đã nói như thế. Con gái miền núi kì lắm. Đã nói nhất định thế nào cũng làm./.

Thái Bá Tân

Tuyết lạnh

- Con đi Mỹ lần này thế nào cũng phải tìm gặp bằng được bà ấy, - mẹ tôi nói, không biết đã là lần thứ mấy. - Tội nghiệp bà lão!
- Làm sao con gặp được? Nước Mỹ lớn lắm, đâu như làng Vĩnh Lộc nhà mình. - Tôi đáp, có lẽ cũng không phải lần thứ nhất. Tôi vừa thấy bức mình lẫn buồn cười vì nói mãi mẹ tôi vẫn không chịu hiểu điều đơn giản đó. - Bà ấy sang Mỹ sống với con trai thì sướng chứ có gì mà mẹ phải bảo "tội nghiệp"?
- Mẹ tôi thở dài, thông thả nhả vào chiếc ống đồng miếng bã trầu cụ

ngậm chắc đã hơn một tiếng đồng hồ.

- Các anh hiện đại, lại sống ở thành phố, đâu hiểu được lòng người già.

"Bà ấy" là bà cụ Mật, bảy mươi tuổi, bạn thân của mẹ tôi từ thời con gái. Hai cụ quen sống có nhau suốt mấy chục năm, nay phải xa nhau, mẹ tôi nhớ cũng dễ hiểu. Tôi biết thế và cũng muốn được gặp bà Mật để sau này kể cho mẹ tôi nghe về bà ấy. Nhưng làm điều này đâu dễ. Trước khi về quê, tôi được báo có tên trong đoàn nhà văn Việt Nam sắp thăm Mỹ. Cụ thể đi đâu, làm gì thì đến bây giờ vẫn chưa biết. Tuy nhiên, hiểu tính khí người già, tôi cũng cầm chiếc phong bì có địa chỉ anh con bà Mật ở Mỹ mà một lần anh ta đã gửi cho họ hàng ở làng tôi. Tôi hứa sẽ cố tìm thăm bà bạn của cụ, nếu có thể. Còn gói cau khô và bó trầu xanh thì cương quyết không nhận mang hộ, vì nghĩ khả năng gặp được bà cụ cùng làng ở tít bên ấy là rất ít, nếu không muốn nói là điều không thể.

Chuyện bà cụ Mật đi Mỹ một thời từng làm xôn xao làng tôi và cả mấy làng lân cận. Số là cách đây năm năm, dùng một cái, bà cụ Mật được anh con trai cùng cô vợ đầm da trắng, tóc vàng và đưa con lai bốn tuổi từ Mỹ về, tuyên bố đón bà sang sống "bên ấy" với anh ta! Chà, người kéo đến xem cứ như hội. Mọi người ngạc nhiên không chỉ vì thấy anh Hòa con bà, ngày nào còn là một thanh niên làng chài rất ít khi mặc quần áo, gầy gò và đen trùi trùi, thế mà bây giờ cứ trắng hồng, comlê, cà vạt, lại còn để ria mép nữa. Họ còn ngạc nhiên khi thấy "bà đầm" vợ anh nói được tiếng Việt, thậm chí thuộc lòng cả một đoạn Kiều. Hơn thế, "bà ấy" rất thoải mái, dễ gần, hay cười và đặc biệt gặp ai cũng chào. Thằng con lai thì về hôm trước, hôm sau đã thấy lúi húi chơi bi với lũ trẻ chân trần, mũi thò lò trong xóm. Hóa

ra người Mỹ họ cũng bình dân như ta! Mà "thằng Hòa" cũng chẳng kiểu cách ta đâu như ối anh Việt Kiều khác. Trừ vẻ ngoài, "nó" vẫn là "thằng Hòa" ngày xưa như họ biết - chăm làm, yêu thương mẹ, chất phác và biết kính trọng người khác.

"Đúng là nhà có phúc!"

"Sang bên ấy, tha hồ mà sướng nhé!"

Bà cụ Mật góa chồng từ ngày mới sinh anh Hòa. Từ bấy đến nay hai mẹ con ở vậy nuôi nhau. Như mọi người khác trong làng, bà làm ruộng, lúc rỗi việc nhà nông, bà cùng mẹ tôi hàng ngày xuống chợ Hôm cách làng mấy cây số ngồi bán mấy mớ trầu, buồng cau, chục trứng hoặc vài thứ lặt vặt khác. Anh Hòa lúc nhỏ cũng được đi học như những đứa trẻ khác. Anh học giỏi, thi đại học hai lần nhưng không hiểu sao đều trượt. Vì con một phải nuôi mẹ già nên thời chiến tranh anh không bị gọi nhập ngũ, chỉ ở nhà tham gia dân quân và ra biển đánh cá, lúc đầu còn trong hợp tác xã ngư nghiệp, sau hợp tác tan, anh cùng mấy người nữa sắm thuyền đi riêng. Năm 1979, lúc này đã gần ba mươi tuổi nhưng vẫn chưa vợ, một lần anh cùng hai người nữa lên thuyền ra biển như mọi ngày. Không may gặp bão lớn không về kịp, thuyền anh bị sóng đánh vỡ, mỗi người bị hất đi một nơi. Ở nhà ai cũng tin họ đã chết. Bà Mật khóc cả tháng trời, sau đó ốm một trận, may lắm mới khỏi. Rồi bà được một người cháu đằng nội, nửa khôn nửa dại, không chồng đến ở chung. Cô cháu này tuy dở người nhưng chịu khó, biết điều, nên hai cô cháu sống cũng tạm tạm. Bà vẫn nhận làm sào rươi ruộng khoán, lúc nào cũng có bầy gà và đôi lợn trong chuồng, vẫn đều đều đi chợ Hôm cùng bà bạn thân là mẹ tôi. Một năm sau, bà bất ngờ nhận được thư con trai. Lại từ nước Mỹ. Hóa ra, lúc đắm thuyền, con trai bà vớ được tấm ván, lênh

đênh trên biển hai ngày đêm, đang lúc sắp chết thì được một tàu nước ngoài vớt lên, đưa tới hòn đảo nào đó thuộc Malaysia, ở đấy mấy tháng, làm thủ tục và cho sang Mỹ. Thư anh viết ngắn, hỏi hai người kia còn sống không, cho mẹ biết anh mạnh khỏe và đang chuẩn bị vào học một trường Đại học lớn tại Mỹ. Từ đó anh đều đều viết thư cho bà, thỉnh thoảng có gửi cả tiền. Cùng với thời gian, anh báo tin học xong, tìm được việc làm, mua ô tô, nhà riêng, lấy vợ rồi có con...

Hôm nay, đúng mười hai năm kể từ ngày gặp nạn ngoài biển, lần đầu tiên anh về quê gặp lại bà, và như mọi người đang khao nhau trong làng, sẽ đưa bà sang "bên ấy" sống hẳn.

- Thế con Sáu thì sao? - Bà cụ Mật hỏi. "Con Sáu" là tên cô cháu dờ người vẫn sống với bà cụ.

- Thì cô ấy trước ở đâu nay về đấy. Hoặc ở lại nhà này, nếu muốn. Thỉnh thoảng con gửi tiền giúp cô ấy.

- Còn đôi lợn và bầy gà?

Anh con cười:

- Không lẽ mẹ định đem theo sang Mỹ?

Thằng con lai đang ngồi cạnh kêu lên thích chí, giọng lơ lớ:

- Đem đi theo! Đem đi theo!

- Còn sào rươi ruộng và cái ao mùng?

Đứa cháu lần nữa lại kêu lên:

- Đem đi theo! Đem đi theo!

Bà cụ Mật ngồi im. Bà ngồi im rất lâu, vì quả chẳng biết nên nghĩ gì, làm gì. Bà mừng vì cuối cùng lại được gặp con. Mừng cả vì người con dâu và đứa cháu, tuy vẫn thấy họ là lạ và sờ sờ. Bà muốn được sống cùng con, muốn biết cái nước Mỹ ấy là gì mà người ta hay nhắc

đến như vậy. Nhưng gì thì gì, bà cũng không thể bỏ quê hương làng xóm mà đi được. Bà đi, ai chăm sóc con Sáu mỗi lần nó lên cơn động kinh? Ai biết rõ hơn bà tính khí đôi lợn, đàn gà và con chó để chiều chúng, cho chúng ăn, hoặc biết lúc nào thì nên hái mừng, những cây mừng bà biết rõ từng gốc? Mà rồi bà sẽ sống thế nào bên ấy? Không lẽ bà sẽ chết đâu đó và không được chôn cạnh ông Mật chồng bà?

Bà Mật đem những điều này tâm sự với mẹ tôi và hỏi nên làm gì.

- Thì bà bảo con và dâu bà ở lại đây, - mẹ tôi nói. - Thế là vừa sống chung, lại vừa được nuôi lợn, làm ruộng như bà muốn. Tôi và bà cũng được đi chợ với nhau!

Bà cụ Mật lặng thinh, chắc nghĩ mẹ tôi nói có lý. Đêm hôm ấy bà ước hỏi con trai điều này, tuy tự bà cũng biết việc đó khó có thể xảy ra.

- Trời, mẹ! Làm sao con ở lại đây được? Vả lại có muốn, nhà nước cũng không cho.

Bà Mật không tin nhà nước không cho con bà về sống với mẹ. Bà nghĩ con bà chỉ tìm cách thoát thác mà thôi. Nên bà im không nói thêm gì nữa. Từ đó, bà cứ thơ thẩn đi lại khắp nhà, lúc xuống bếp, xuống chuồng lợn, lúc ra vườn, có lúc ra cả ngoài đồng xa dù chẳng làm gì. Bà bước đi vật vờ như cái bóng, đầu chít khăn nâu mỡ quạ, áo gụ sờn vai, quần đen, da nhăn nheo và đen sẫm như màu bờ ruộng bà đang bước lên. Trong cảnh hoàng hôn sắp tàn, bóng bà như hòa lẫn vào đất.

Mấy hôm sau bà theo con ra đi, chỉ mang hai bộ quần áo và chiếc coi trâu. Cô Sáu ở lại nhà bà, chăm sóc đàn gà, đôi lợn và sào rươi lúa chiêm mới cấy. Cả làng ai cũng mừng cho mẹ con bà. Chỉ mấy

người, trong đấy có mẹ tôi, thì im không nói gì.

Đấy, câu chuyện bà cụ Mật làng tôi đi Mỹ cách đây năm năm là thế. Và bây giờ mẹ tôi giao cho tôi cái nhiệm vụ tìm thăm bà cụ "bên ấy", cái bên mà tôi chưa một lần đặt chân tới và chỉ biết loáng thoáng qua sách báo và ti-vi.

Trong một tháng ở Mỹ, may mắn tôi được tới Chicagô, nơi bà cụ Mật đang sống cùng con trai. Trên chiếc bì thư mẹ tôi đưa có ghi như vậy. Chicago 2180, Lakeside Drive 370-21, State of Illinois, USA.

Nhưng đây là địa chỉ cách đây hơn năm năm, khi anh Hòa gửi thư báo ý định sẽ đưa mẹ đi cùng. Nghe nói người Mỹ thích thay đổi chỗ ở, nên tôi chẳng dám chắc có tìm được họ theo địa chỉ này không. Chỉ còn mấy ngày nữa là Noel. Ở Chicagô trời rất rét. Gió thổi mạnh không dứt từ phía hồ Michigan. Thành phố hiện đại nhất và cũng là trung tâm công nghiệp lớn nhất nước Mỹ này đúng hơn là một rừng chi chít những tòa nhà chọc trời bằng bê tông và kính. Ngồi trên tắc-xi, tôi cố mà không thể hình dung nổi làm sao một bà cụ nông dân làng tôi có thể sống nổi, chứ chưa nói hòa nhập được với khu rừng đá lạnh lẽo, xám xịt này.

Tôi đang đứng trước cửa căn hộ cần tìm. Nó nằm tít trên tầng 25 của một chung cư cao tầng. Ở Mỹ, nội điều này đủ rõ chủ nhân nó thuộc loại bình dân, nếu không muốn nói là nghèo. Những người thuộc tầng lớp trung lưu thường sống ở những căn nhà một hoặc hai tầng và xa trung tâm thành phố.

Tôi bấm chuông, đứng chờ. Không có ai trả lời. Tôi cố tình đứng trước lỗ kính nhỏ ở cánh cửa để người bên trong nhìn thấy, và bấm chuông hai lần nữa. Kinh nghiệm dạy tôi phải kiên nhẫn. Chả là cách đây mấy năm, tôi và nhà thơ Phạm Hồ lặn lội tới tận thành phố

Thessaloniki, Hy Lạp, để thăm một người bạn từng là lính lê dương Pháp sau chạy sang hàng ngũ Việt Minh. Chúng tôi cũng bấm chuông chờ như thế này, nhưng mãi không thấy mở cửa nên bỏ đi. Thế mà năm sau gặp nhau ở Hà Nội, người bạn Hy Lạp ấy khẳng định đúng lúc chúng tôi gọi, ông ở trong nhà, đang ngủ và khi ông, vốn đã già và chậm chạp, mặc quần áo xong đi ra thì chẳng thấy ai. Tuy nhiên, lần này tôi đã chờ đủ lâu để đoán chắc trong nhà không có người. Khả năng nhầm phòng được loại ngay từ đầu, vì trên cửa có tấm biển nhỏ bằng kim loại ghi rõ tên ông bà Robert Nguyễn và Mary Nguyễn, tức là Nguyễn Văn Hòa, vốn là thanh niên dân chài làng tôi. Tôi biết rõ điều đó, vì trước đây nhiều lần anh có nói anh đổi tên như vậy cho hợp với bên này, và cũng để người ta dễ gọi. Đang lúc thất vọng định vào thang máy đi xuống thì tôi thấy phòng bên có người mở cửa. Một bà già da trắng dất con chó giống bulldog màu nâu, mõm to và ngắn đi ra. Chắc đây là giờ bà đưa chó xuống phố đi dạo. Sau khi chào và tự giới thiệu mình, tôi nói với bà mục đích tôi đến đây.

- Bà cụ trong nhà ấy! - bà già đáp.

- Nhưng tôi bấm chuông mãi không thấy ai mở cửa?

- Thì bà cụ vẫn vậy. Đâu biết gì mà nói. Vả lại có muốn mở cũng chẳng có chìa khóa...

Thấy tôi ngạc nhiên, bà hàng xóm nói tiếp:

- Thằng bé giờ này ở trường. Ông bà Nguyễn đi làm cầm luôn chìa khóa. Một phần sợ ở nhà cụ không biết, mở cửa cho kẻ xấu vào.

Thành ra coi như suốt ngày cụ bị nhốt trong ấy. Tội nghiệp. Tối anh lại, chắc chắn họ có nhà.

Bà già hàng xóm là người cởi mở. Ra phố tôi còn đi với bà một chốc.

Bà cho biết anh Hòa hiện làm việc cho một công ty điện toán, chị vợ vốn trước học tiếng Việt và văn hóa phương Đông, nay dạy ở trường tổng hợp Chicagô. Kinh tế gia đình bình thường như nhiều người ở đây. Căn hộ không thuê mà mua theo kiểu trả góp. Cả hai chiếc ô tô cũng vậy. Còn thằng bé thì học lớp ba. Học bán trú, hết giờ làm bố mẹ mới đón về.

- Bà cụ sống thế nào?

- Chúng tôi là láng giềng tốt, nhưng cũng chỉ thỉnh thoảng mới sang thăm nhau vào các dịp lễ. Bà cụ cứ ở riết một mình trong phòng riêng. Chừng ấy năm tôi chỉ nhìn thấy cụ vài lần khi con cháu đưa cụ ra giới thiệu. Không thấy cụ ra khỏi nhà bao giờ. Phải nói cả hai ông bà Nguyễn và đứa cháu rất quý cụ. Chỉ tại tính cụ thích thế.

Tôi cảm ơn bà già tốt bụng, thăm mừng vì đã có những thông tin cần thiết về bà cụ Mật, coi như việc mẹ tôi giao đã làm xong, nếu không quay lại được thì cũng không còn gì phải băn khoăn.

Nhưng ngay tối hôm ấy tôi quay lại, dù đã quá 9 giờ tối. Chỉ mấy giây sau khi bấm chuông, chính anh Hòa ra mở cửa. Anh nhận ngay ra tôi và vồn vã dẫn vào phòng khách, cứ chân giày bám đầy tuyết dẫm lên thảm, theo đúng phong cách Mỹ. Chúng tôi từng là bạn chẵn trâu thời bé cho đến khi tôi đi học xa. Sau đó hình như chúng tôi còn gặp nhau vài lần nữa trước ngày anh "mất tích" trên biển. Anh tíu tít gọi vợ con ra chào khách. Chúng tôi nói với nhau bằng tiếng Việt.

Anh Hòa vẫn giữ nguyên cái giọng Diễn Châu rất nặng.

Chị Mary vợ anh nói giọng miền Nam, chắc thầy dạy trước đây người Nam Bộ. Còn thằng con thì chẳng ra giọng vùng nào, mặc dù nó nói khá sõi.

Sau một lúc ôn lại kỷ niệm xưa, anh Hòa nói:

- Chiều nay đi làm về, bà hàng xóm cho biết có người từ bên nước sang tìm gặp, nghĩ mãi không biết ai, hóa ra là anh.

- Bà cụ đâu? - Tôi hỏi khi mãi không thấy anh nhắc gì về mẹ.

- Cụ ở đây và vẫn mạnh khỏe. Cụ đang ngồi ở phòng mình. Có điều, gần đây chắc do tuổi tác, cụ có vẻ bắt đầu lẩn thẩn. Hầu như chẳng nói năng gì. Cụ cứ ở rìt trong phòng, đăm đăm nhìn đâu đó và suy nghĩ những gì có trời mới biết. Anh vào thăm cụ đi, kể thật nhiều chuyện quê hương vào, chắc cụ sẽ mừng lắm.

Tôi theo anh đi sang phòng bên.

Đó là một căn phòng khá rộng, mọi thứ đều trắng toát như phòng bệnh viện. Từ các bức tường, trần nhà, tấm ri-đô, chiếc giường đôi phủ ga phẳng phiu cùng chiếc chăn gấp gọn ghẽ, chiếc gối bông, đến chiếc tủ đựng quần áo và chiếc chao đèn đầu giường - tất cả đều màu trắng. Cả chiếc ghế bành rất sâu và lớn kê sát cửa sổ cũng trắng. Và lọt thỏm trong đó là một bà già bé nhỏ đang dò dẫm nhìn ra ngoài qua tấm kính cửa sổ lớn không che ri-đô. Bên ngoài tuyết đang rơi những bông lớn và dày, nhìn thấy rất rõ nhờ hệ thống đèn chiếu sáng cực mạnh của các tòa nhà cao tầng bên cạnh. Bà cụ không nhận thấy chúng tôi đang bước vào.

- Mẹ ơi, có anh Lân bên nước mình sang thăm mẹ đây này! - Anh Hòa nói to. - Anh Lân con bà Hoạt làng ta, mẹ nhớ không? Bà Hoạt vẫn cùng mẹ đi chợ Hôm ấy mà!

Bà cụ Mật quay sang nhìn tôi bằng cái nhìn vô cảm, chắc vẫn chưa dứt khỏi những ý nghĩa triền miên của mình và vẫn chưa nhận ra tôi là ai, hoặc có nhận ra cũng chưa tin là thật.

Anh Hòa kéo chiếc ghế nhỏ lại gần cho tôi ngồi, rồi khẽ nói:

- Cụ vẫn thế đấy, cứ như người mất hồn. Tôi ra ngoài nhé, để anh và

cụ nói chuyện tự nhiên.

Tôi ngồi xuống ghế, nhẹ nhàng cầm bàn tay khẳng khiu, đen xạm của bà trong hai tay mình.

- Chào bác. Cháu là con trai cả bà Hoạt làng Vĩnh Yên ta đây. Mẹ cháu bảo đến thăm bác...

Bà cụ vẫn nhìn tôi không chớp mắt. Bàn tay nhỏ bé của bà run run trong tay tôi. Đôi mắt rưng rưng như muốn khóc, nhưng bà không nói gì.

- Bác vẫn khỏe chứ ạ? Mẹ cháu nhắc bác luôn.

- Ra mẹ anh còn nhớ đến tôi à? Làng xóm vẫn nhớ tôi à? - Cuối cùng bà cụ lên tiếng.

- Có chứ ạ. Ai cũng nhớ và mừng cho bác được sống với con cháu sung sướng bên này. Nhưng bây giờ quê ta cũng khá lắm rồi, không khổ như trước nữa. Nhiều cái mới lắm.

Rồi tôi bắt đầu kể về những thay đổi lớn trong làng, từ việc có điện lưới cách đây ba năm, nhiều nhà có ti-vi, xe máy, đến việc huyện cho xây con đường lớn rải nhựa hẵn hoi, ô tô chạy qua làng hết như ngoài thành phố, còn uỷ ban xã thì có cả máy điện thoại. Tôi còn cho bà biết ai trong số người già trong làng vừa chết, con nhà ai vừa hỏi vợ, gả chồng..

- Anh nói làng ta đủ ăn rồi à?

- Vâng, không còn cảnh đứt bữa như trước nữa. Hơn thế, bây giờ nhà nào cũng ăn cơm trắng, không phải dọn khoai...

- Và ngày ba bữa?

- Đúng thế ạ.

Bà cụ ngồi im, vẻ không tin.

- Cả nhà ông Thúi? Cả cố Chuyên?

- Vâng, cả ông Thúi cũng thế. Thằng Dũng con ông ấy còn sắm được máy cày cày thuê cho cả làng đấy. Còn cố Chuyên thì chết năm ngoái, chín mươi chín tuổi, nhưng làng báo lên xã một trăm, và được xã đứng ra tổ chức chôn cất chu đáo lắm. Có cả đại diện trên huyện mang tiền về mừng nữa. Bác biết không. Rú Thần bây giờ được biến thành nghĩa trang của làng ta. Mỗi dòng họ một ô riêng. Bao nhiêu mồ mả các cụ kỵ xưa nay đều được gom về đây, cứ theo thứ tự trên dưới mà xếp, vừa ý nghĩa lại vừa đẹp mắt.

- Con Sáu dạo này thế nào? Có hay lên cơn nữa không?

- Cháu ở Hà Nội, thỉnh thoảng mới về nên không rõ lắm. Nghe mẹ cháu nói thì cũng bình thường.

- Còn đôi lợn?

Tôi ngồi im vì chẳng biết nói gì.

Bà cụ lại trầm ngâm nhìn ra ngoài, nơi những bông tuyết lớn vẫn không ngừng rơi, thông thả và chập chập như ý nghĩ trong đầu cụ.

- Cái Sáu đoảng lắm. Không hiểu nó có biết tính con Cụt Đuôi thích ăn củ gừng không. Ngoài ao nhiều gừng, không khéo nó lại bỏ tiền mua rau lang, trong khi để gừng thối cả đồng. - Bà cụ nói, với chính mình nhiều hơn là với tôi.

Rồi cụ thông thả lấy từ dưới ghế bành một hộp trầu và cái ống nhỏ bằng đồng đem từ Việt Nam sang. Cũng thông thả như vậy, cụ tẽm một miếng, có cả vôi và cau tươi, rồi đưa lên miệng nhai.

- Mẹ cháu bảo mang cho bác ít cau trầu quê nhà, nhưng không chắc tìm thấy nên cháu không mang theo.

- Bên này cũng có. Thằng Hòa nó nhờ mua đầu đó từ miền Tây.

Tương cà mắm ớt không thiếu cái gì.

Mãi đến lúc này tôi mới nhận thấy bà cụ Mật vẫn mặc chiếc quần lụa

đen, chiếc áo vải gụ đã sờn, và đầu vẫn quấn chiếc khăn nhung cũ hết như ngày nào tôi gặp cụ ở làng. Nếu không có màu trắng của các đồ vật trong căn phòng sạch sẽ, lạnh lẽo ở tòa nhà kính gần ba chục tầng, và màu trắng của tuyết Chicagô những ngày cuối năm này, thì khó có thể hình dung bà cụ đang xa quê nhà hàng chục nghìn cây số, ở một đất nước có thể là no đủ, sung sướng đấy, nhưng vẫn buồn và xa lạ. Bất giác, tôi có cảm giác như bà cụ vừa đi cấy về, đang tằm tằm nhai trầu, trò chuyện với mẹ tôi, thì bỗng bị bàn tay vô hình nào đó bê nguyên xi sang đây, tách khỏi màu xanh quê hương làng xóm, khỏi những tập tục và việc làm vốn quen thuộc từ ngàn xưa, để tới cái thành phố khổng lồ, xám xịt và lạnh giá này. Cụ như cây mùng từ ao bùn Việt Nam bị nhổ bật rễ đem cấy xuống cánh đồng tuyết quê người. Và dù được giữ trong nhà kính ấm áp, được chăm sóc tốt, cây mùng ấy vẫn ngày một úa tàn, héo quắt. Đơn giản là do bị đặt nhầm chỗ.

- Nước Mỹ rộng và đẹp, bác có hay đi chơi, xem đây đó không? - Tôi hỏi.

- Không. Năm năm nay tôi không bước chân ra khỏi nhà.

Lúc lái ô tô đưa tôi về khách sạn, tôi hỏi anh Hòa vì sao như vậy. Anh nói có lẽ do cụ sợ. Chả là hôm mới đến, để cụ biết nước Mỹ là gì, anh đưa cụ lên tận tầng cuối cùng của tòa nhà Sears Tower 110 tầng, cao nhất thế giới. Cụ nhìn xuống chóng mặt suýt ngất. Khi xuống, thang máy chạy nhanh quá, cụ còn nôn cả ra tay áo con. Từ đấy anh rủ đi đâu, cụ nhất định không chịu.

- Bác có nhớ nhà không? Có muốn về thăm lại quê không? - tôi lại hỏi.

Bà cụ ngồi im hồi lâu, hai mắt lại rưng rưng chờ đợi nhìn những cánh

tuyết xối rơi không dứt ngoài cửa sổ. Lần nữa bà cụ lại chìm trong thế giới những ý nghĩ đau buồn không dứt của mình. Tôi cũng kiên nhẫn ngồi im, không hỏi thêm câu nào nữa. Cuối cùng, cụ chậm chạp, khó nhọc đứng dậy từ chiếc ghế bành lớn màu trắng. Tôi định đỡ, nhưng cụ ra hiệu không cần. Và cũng chậm chạp, khó nhọc như vậy, cụ cởi chiếc áo gụ sờn đang mặc trên người, đút vào hai túi hai miếng trầu đã tèm sẵn, cẩn thận vuốt thẳng từng thân áo, ống tay rồi gói vào một tờ báo. Cụ còn lấy một sợi len đỏ gấp bốn, cột chéo vuông vức như chiếc bánh chưng.

Xong, cụ kính cẩn đặt chiếc áo vào tay tôi. Lần này thì cụ khóc thực sự. Hai dòng nước mắt hiếm hoi từ từ lăn xuống và nhòe dần theo những nếp nhăn sâu trên khuôn mặt già nua khô quắt. Tôi cũng xúc động không kém và chỉ biết đứng im, chờ xem cụ định làm gì.

- Anh nói hộ với mẹ anh là tôi nhớ bà ấy lắm, nhớ bà con, làng xóm lắm. Bây giờ gặp anh đây, tôi có thể nhắm mắt được rồi. Tôi biết tôi chẳng còn sống bao lâu nữa, và chắc chắn sẽ phải chết ở cái xứ lạnh lẽo, xa lạ này. Vậy nhờ anh mang cái này về chôn cạnh mộ ông lão nhà tôi, có lẽ bây giờ đã được đưa về Rú Thần, trong nghĩa trang họ Hoàng mới xây như anh nói. Nếu được, bảo người ta đắp cho tôi nấm mộ giả cho có vợ có chồng. Ông ấy đỡ cô đơn, mà cũng đỡ tủi cho tôi...

Tuyết vẫn không ngừng rơi. Đêm đã khuya, các đường phố Chicago vốn đã rộng càng thêm rộng. Anh Hòa cầm lái cho xe đi thông thả vì đường trơn. Tôi ngồi yên phía sau. Chiếc áo sờn nhẹ tênh của bà cụ Mật đè nặng trong tay tôi, như thể tôi đang một mình bế cụ vượt hàng vạn cây số đưa về nơi yên nghỉ cuối cùng trên đất mẹ./.

Chicago - Hà Nội, 2/1997

Thái Bá Tân

Thái Bá Tân

Vẽ ác

Chiếc hồ nhỏ nằm ngay dưới chân núi Tam Đảo. Nước phẳng lặng, trong xanh, màu xanh lẫn lộn của bầu trời tháng tám và rừng thông mọc gần sát nước cả bốn phía, trừ phía đông, nơi có một chỗ thừa với con đường đất màu đỏ nhạt ngoằn ngoèo dẫn xuống hồ. Một vẻ đẹp thanh bình và cảm động, đến mức ông đứng ngây ra nhìn hồi lâu, dù ở cái tuổi năm mươi của mình, ông đã đi nhiều và được chiêm ngưỡng nhiều cảnh sắc thiên nhiên kỳ thú. Chốc chốc, từ sau những bụi cây rậm rạp lại ló ra vài chú hươu ngơ ngác. Hươu nhà, ông biết rõ, nhưng không vì thế mà giảm chất nguyên sơ hoang dã. Cách đấy không xa, cũng khuất sau những tán cây rậm, lác đác có mấy ngôi nhà với làn khói chiều mỏng tang vẩn vương trên mái. Một cảnh điền viên hiếm thấy. Khó tin rằng chỉ mấy chục cây số đâu đó phía dưới là cảnh phố phường chật hẹp, ngột ngạt với trăm nghìn cái bon chen, lo lắng.

Cãi nhau với vợ, chán nản với công việc và bạn bè, ông bỏ Hà Nội lên đây tìm nơi yên tĩnh, và có vẻ như cái hồ này là chỗ lý tưởng.

Ông là một họa sĩ đã đứng tuổi, có tài, học hành bài bản, vẽ nhiều và giỏi, sở trường tả thực. Tuy nhiên, khó có thể nói ông nổi tiếng trong giới. Người ta biết ông, nể phục ông, nhưng chẳng bao giờ đề cao ông, có lẽ một phần vì họ không làm được cái ông làm, là vẽ rất tỉ mỉ, rất giống thật. Giữa thời nhố nhăng thật giả này, ông bị coi là cổ lỗ, là thợ nhiếp ảnh. Hiền lành nhưng không bản lĩnh, có thể nói nhu nhược, ông đâm ra hận mình, hận đời, có khi đến mức độc ác. Ông thất vọng cả việc đến người thân duy nhất trong nhà là bà vợ cũng không hiểu ông nổi. Chính vì cãi nhau với bà mà ông lên đây.

Hôm qua, vợ ông đã dùng con dao thái thịt đâm mấy nhát vào bức sơn dầu khổ lớn ông mới vẽ xong, miêu tả vua Agamênon, thống lĩnh quân đội Hy Lạp đang tự tay cầm kiếm dí vào cổ con gái yêu của mình là Iphighênia dùng làm vật tế thần trong cuộc chiến tranh T roa. Ông say mê thần thoại Hy Lạp, La Mã và vẽ rất nhiều tranh từ đề tài này. Đây cũng là một lý do khiến người ta không thích ông - lai Tây và xa lánh cuộc sống. Theo truyền thuyết thì các thần ở đỉnh Ôlimpơ thương tình cứu sống Iphighênia, nhưng giờ đây nàng lại bị chính tay bà vợ ông đâm chết. Đúng tim. Khi đau xót nhìn kỹ, ông có cảm giác như trái tim nàng đang rỉ máu thật.

Bị căn vặn vì sao, bà vợ ông chỉ đáp:

- Kinh lắm! Tôi không chịu nổi!
- Nhưng đây là tác phẩm nghệ thuật!
- Nghệ thuật hay không thì cảnh chém giết cũng đáng kinh tởm! Ông không biết vẽ gì tử tế hơn à?

Ông không đáp, chỉ lẳng lặng xách túi ra đi.

Quanh hồ chỉ có một xóm nhỏ, độ hơn chục nóc nhà, cũng yên bình, lặng lẽ như quang cảnh nơi này, với nghề nông và gần đây thêm

nghề nuôi hươu lấy nhung. Ông dễ dàng tìm được nơi ông muốn. Đó là nhà một cặp vợ chồng già, con cái lên thành phố làm việc nên thừa một phòng trống. Họ bảo ông ở đấy, bao lâu cũng được. Nếu muốn, họ nấu riêng cho ông, còn không, "Mời bác ăn với vợ chồng tôi, thêm bát thêm đĩa cho vui. Chuyện tiền nong không quan trọng!". Hai ngày đầu, ông dạo lang thang quanh hồ và khu rừng lân cận. Mọi cái tuyệt vời, chẳng ai quấy rầy, thế mà thật lạ, sau phút choáng ngợp ban đầu, chiếc hồ và quang cảnh nên thơ nơi này chẳng làm ông thanh thản chút nào. Hình như ông còn thấy khó chịu, giận dữ một cách vô cớ. Có thể vì nó quá tương phản với tâm trạng ông chăng? Nhưng trở về Hà Nội thì ông lại không muốn, vì ở đấy còn khó chịu hơn.

Ngày thứ ba ông bắt tay vẽ. Hậm hực, cay cú và giận dữ. Lại đề tài khai thác từ thần thoại Hy Lạp. Ông vẽ cảnh Prômê-tê bị xiềng trên vách núi đá Côcadox, và một con chim khổng lồ màu đen đang xé ngực moi tim chàng. Tuy nhiên, đáng lẽ vách núi dựng đứng phải ở bên bờ biển sóng vỗ dữ dội, thì không hiểu sao ông lại thay vào đó bằng chiếc hồ con yên tĩnh, thơ mộng này. Mà lại vẽ rất giống, rất chi tiết, có cả mấy con hươu, mấy hòn đá xếp thành hàng từ ngôi nhà ông đang trọ dẫn xuống hồ. Con chim hung dữ màu đen là trọng tâm của bức tranh, được ông dành hết tâm sức miêu tả rất sống động. Trong tranh, nó đang bám chân vào ngực Prômê-tê, xòe hai cánh giữ thẳng bằng, chiếc mỏ khoằm ngậm một miếng tim vừa moi từ lồng ngực khổng lồ của chàng. Ba giọt máu tươi rơi phía dưới. Màu đen lông chim và màu đỏ của máu thật tương phản. Đôi mắt con chim tròn xoe, hau háu và hung dữ. Còn chàng Prômê-tê cao thượng bị thần Dớt bắt chịu hình phạt này vì tội dám lấy trộm lửa thần mang

xuống cho loài người thì chịu đựng một cách dũng cảm. Tay chân chàng bị xích vào vách núi bằng những sợi xích khổng lồ. Người cuộn cuộn các bắp cơ, đôi mắt mở to, kiêu hãnh, nhưng trong đấy cũng bộc lộ một nỗi đau ghê gớm. Nỗi đau của trái tim bị cái kìm nhọn mổ chim cẩu vào, rút ra từng mẩu.

Tất cả những chi tiết này được ông vẽ rất giống, rất thật. Chính ông cũng tự hài lòng với nghệ thuật của mình. Ông có cảm giác như nghe được hơi thở của Prômê-tê, ngửi thấy mùi tanh của máu và bị đôi cánh khổng lồ của con chim chạm vào tay áo. Trong khi đấy, phía dưới lại là chiếc hồ con yên ả quen thuộc, có thật và nằm ngay dưới chân núi Tam Đảo, nơi ông vẫn hàng ngày đi dạo. Tất nhiên ông biết sự trái khoáy của hai cảnh đó. Trong hội họa bố cục như vậy không chấp nhận được. Ông biết, nhưng đang bức mình, đang muốn phá phách, ông bất chấp điều ấy. Thậm chí, ông còn lấy thế làm thích. Từ trong tranh, con chim đen nhìn ông tán thưởng. Còn đôi mắt của Prômê-tê thì đầy vẻ đau đớn. Ông không dám nhìn lâu vào đôi mắt ấy, vì hình như chúng oán trách ông. Cả chiếc hồ con cũng vậy.

- Ấy chết, sao tay bác đầy máu thế? - Ông lão chủ nhà hỏi khi vào mời khách ăn trưa, cũng là lúc ông vừa thích thú ngắm bức tranh lần cuối và đang định bước ra ngoài.

- Đâu có! - ông họa sĩ cười - Sơn vẽ đấy.

Rồi ông xòe cả hai tay cho ông lão xem. Trên các ngón tay ông quả thật máu chứ không phải sơn. Loãng hơn, tươi hơn. Ở đầu ngón trở tay phải có một giọt lớn sắp rơi xuống. Ông giật mình, vội chùi cả hai tay vào chiếc tạp dề trước bụng.

- Bác vẽ gì mà trông kinh thế này? - Ông lão chủ nhà lại hỏi - Sao để cho chim moi ruột gan người ta thế? Kinh quá!

Ông không đáp, chỉ gượng gạo cười, vì vẫn chưa hết ngỡ ngàng với bàn tay dính máu.

- Bác vẽ cả chiếc hồ của chúng tôi nữa đấy à?

- Vâng. Cụ thấy có giống không?

- Có. Giống, nhưng... nhưng nó thế nào ấy. Nước ở đây bao giờ cũng trong xanh chứ không đỏ. Bác để máu rơi xuống hồ chúng tôi rồi. Tôi sợ lắm.

Ông họa sĩ lại giật mình ngạc nhiên. Chỗ nước phía dưới Prômê-tê quả có màu đỏ thật, dù ông nhớ không hề vẽ như thế.

Chiều hôm đó ông đi dạo lâu hơn thường lệ, và do mệt, ông đi ngủ sớm. Trước khi lên giường, ông nhìn kỹ bức tranh lần nữa. Chỗ nước hồ đỏ ông vẽ lại mấy lần, cố bôi xanh thật nhiều, nhưng không hiểu sao chỉ lát sau lại hiện lên màu cũ. Prômê-tê đang oán trách ông. Con chim đen trắng tráo nhìn ông với vẻ thích thú không che giấu. Nó là hiện thân của Cái ác, do chính ông tạo ra, thế mà giờ đây ông cảm thấy sợ nó. Cảm giác sợ hãi mơ hồ ấy len cả vào giấc ngủ. Trần trọc mãi hồi lâu mới thiếp đi, bỗng ông chợt tỉnh vì nghe có tiếng động lạ. Tiếng phành phạch như tiếng quạt nan đập vào tường, hoặc như tiếng cánh chim vỗ mạnh. Ông lấy làm lạ nhưng vẫn nằm yên. Hình như tiếng chim vỗ cánh, loại chim lớn, mà ngay bên cạnh. Sao lại thế được nhỉ? Chim nào vào đây, và vào cách nào khi các cửa đều đóng kín? Tiếng động còn kéo dài thêm mấy giây nữa rồi im bật, như thể con chim, nếu quả đúng đó là một con chim, đã bay đi. Ông rón rén nhòm dậy bật đèn. Cái đầu tiên đập vào mắt là bức tranh sơn dầu khổ lớn mới vẽ. Nơi trước đây là hình con chim đen bây giờ trơ toan trắng. Ông ngồi xuống chiếc ghế bên cạnh, lặng

người không biết phải làm gì. Nỗi sợ âm ỉ suốt ngày làm đầu óc ông tê cứng. Một chuyện phi lý, không thể tin nổi, nhưng cái chuyện phi lý ấy đang xảy ra trước mắt và ông không thể không tin. Ông ghé mắt nhìn lại, sờ cả tay vào lớp vải. Vâng, chỉ một lớp vải trắng thô ráp. Thân hình lực lưỡng của Prômê-tê bây giờ bị rách thêm một miếng to, trông càng dễ sợ. Cuối cùng, như chợt hiểu ra điều gì, ông vội lấy bút, pha màu rồi cầm cúi vẽ. Bộ ngực lực lưỡng của Prômê-tê được chắp vá lại dần cho đến khi trên tranh chỉ còn lại thân mình chàng nguyên vẹn. Không có con chim Thần ác, không có trái tim bị xé vụn và những dòng máu đỏ. Ông cảm thấy đỡ sợ phần nào. Prômê-tê cũng nhìn ông với đôi mắt biết ơn.

Hôm sau, trời mới rạng, cả hai ông bà chủ nhà đã đến đập mạnh cửa phòng ông.

- Bác họa sĩ! Dậy đi! Bác họa sĩ! Đêm qua nhà chúng tôi mất hai con hươu!

- Việc này thì liên quan gì đến tôi? - Ông khó chịu nói khi ra mở cửa cho họ. - Hay hai cụ nghi tôi ăn trộm?

- Ăn trộm thì không, nhưng liên quan thì có.

- Tôi không hiểu...

- Tôi nghi con này! - ông lão bước thêm mấy bước, chỉ vào bức tranh. Con chim đen xuất hiện trở lại từ bao giờ trên bức tranh mới vẽ lại đêm qua.

Cổ giấu ngạc nhiên, ông họa sĩ hỏi:

- Vì sao?

- Vì ở đây xưa nay chưa bị mất trộm cái gì. Vì đêm qua tôi nghe tiếng nó kêu, bay lượn quanh nhà. Vì bây giờ ngoài hồ còn sót lại ít thịt nó ăn chưa hết, in rõ móng vuốt của nó. Bác theo tôi ra xem thì biết.

Vẫn bộ quần áo ngủ nhàu nát trên người, ông họa sĩ theo họ ra hồ. Một góc hồ nước đỏ lôm vì máu của một phần ba con hươu chưa ăn hết nổi lênh bênh trên mặt nước.

- Suốt đêm qua tôi không ngủ được. - bà già luôn im lặng, bây giờ lên tiếng-Tim tôi đau nhói, cứ như bị ai lấy kim rút từng tí một...

- Cả bà cũng thế à? - ông chồng vội quay sang phụ theo- Tôi cũng không ngủ được. Cũng bị đau ngực. Chính là do con chim đó! Chính nó!

Trưa hôm ấy, khi ăn xong trở lại phòng, ông họa sĩ thấy bức tranh đã bị ai lấy dao cắt nát, đúng chỗ con chim đen. Miếng vải bị cắt gấp xuống, làm thân hình nó méo mó, cổ bị chém đứt cùng chiếc mỏ sắc nhọn và đôi mắt hấu đói, độc ác.

Ông họa sĩ đứng im nhìn tác phẩm của mình. Thờ ơ, không thương xót.

Một lúc sau ông già lại xuất hiện. Ông có vẻ bình tĩnh hơn, thậm chí hơi chút ngượng nghịu. Ông lúng túng ngồi xuống, tự tay pha ấm trà, rót vào chén đưa cho khách rồi hắng giọng hai lần, nói:

- Dân quê chúng tôi quen nói thẳng. Có gì không phải, bác bỏ quá cho. Số là... thực tình chúng tôi không muốn bác ở lại đây thêm nữa. Xin bác dọn đi nơi khác thật xa, càng sớm càng tốt. Bác biết đấy, nơi này vốn yên bình, giản dị, thế mà bác đến làm xáo trộn hết bằng những cái khủng khiếp kia - Ông hất đầu chỉ về phía bức tranh.

- Vâng, hai cụ đã có ý thế thì tôi xin đi, tất nhiên. Tôi đi ngay bây giờ. Có điều, xin hai cụ hiểu cho. Tôi là người hiền lành, chưa làm ác điều gì với ai bao giờ. Tôi chỉ là anh họa sĩ, vẽ vờn nhăng nhít. Một việc làm thiết tưởng cũng vô hại.

Ông già trầm ngâm một chốc rồi nói, giọng buồn buồn:

- Nhưng ông vẽ ác. Vẽ ác cũng gần như làm việc ác vậy.

Leo ngược hết con đường quanh co màu đỏ gạch, ông dừng lại thở, đưa mắt nhìn lần cuối chiếc hồ nhỏ xinh đẹp phía dưới. Nó đã lấy lại được vẻ thanh bình thơ mộng vốn có. Cạnh ngôi nhà nhỏ không xa mặt nước có hai chấm đen nhỏ. Đó là ông bà già đã cho ông ở nhờ nửa tháng qua. Có thể họ đang vẫy tay tiễn ông. Cũng có thể họ đứng đấy canh chừng ông đã thực sự ra đi chưa.

Rồi ông quay người, chậm chạp bước về phía đường nhựa để đi nhờ xe về Hà Nội. Trong đầu ông chẳng có gì ngoài nỗi buồn mơ hồ và cảm giác xấu hổ của người vừa làm điều xấu bị người khác đuổi đi. Bên tai văng vẳng câu nói chất phác mà chua cay của ông già: "Nhưng ông vẽ ác. Vẽ ác cũng gần như làm việc ác vậy!".

Sưu tầm: Chiali1904

Nguồn: Thanhnien

Được bạn: Ct.Ly đưa lên

vào ngày: 4 tháng 6 năm 2006